



# 2017 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 – CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Số điện thoại +84 238 3791 777

Số Fax +84 238 379 555

Email [amc@amcvina.vn](mailto:amc@amcvina.vn)

Địa chỉ Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

# NỘI DUNG

## 01 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Trang 01

## 02 THÔNG TIN CHUNG

Trang 05

## 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trang 33

## 04 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trang 51

## 05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trang 62

## 06 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trang 69

## 07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trang 76

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi để công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên liệu, năng lượng, tỷ giá, .... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2017 theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính đạt 6,81%, cao hơn mức kế hoạch đề ra là 6,7% và cao hơn GDP cả năm 2016 là 6,21%. Có được kết quả trên phải kể đến sự tăng trưởng “thần kỳ” của nền kinh tế cả nước trong quý 4 của năm 2017, với mức tăng trưởng vượt bậc đạt 7,65%. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển riêng trong tương lai, đặc biệt với những doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, toàn thể ban điều hành Công ty đã có những kế hoạch kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Trong năm 2017, chỉ số lợi

nhuận vẫn có được sự tăng trưởng so với năm 2016, cụ thể lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 26% so với cả năm 2016.

Công tác thị trường luôn được Công ty chú trọng và phát huy có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đến khách hàng. Trong năm, Công ty phát huy hiệu quả sản xuất của dây chuyền công nghệ hiện đại tại mỏ Châu Hồng đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, phát huy tốt hoạt động vận chuyển của đội xe giao hàng cho đối tác khách hàng.

Cơ cấu lao động của Công ty cơ bản giữ ổn định, không có biến động so với năm 2016. Nhờ kịp thời thực hiện chế độ đã cam kết với người lao động, người lao động yên tâm công tác, luôn chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.

Năm 2018 hứa hẹn sẽ là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Khi mà nhiều nhà

máy được đầu tư hiện đại của các đối thủ bắt đầu đi vào hoạt động, họ thực hiện chính sách giá thành thấp để gia nhập thị trường, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành và quyết tâm cao hiện thực nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông giao phó, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu nói chung và ban lãnh đạo nói riêng sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

*Xin chân thành cảm ơn!*

*Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đã ký tên)*

**Võ Văn Hiệp**



## TẦM NHÌN

Hơn một thập kỷ qua, các thế hệ cán bộ, nhân viên, lao động Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và phát triển doanh nghiệp, theo đuổi tầm nhìn xuyên suốt:

- » Trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản.
- » Tận dụng hết các lợi thế về tài chính về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có.
- » Hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.



## Slogan “CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM THAY LỜI NÓI” SỨ MỆNH

- » Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp; Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tăng cường cơ hội đối thoại với cổ đông; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp.
- » Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài, lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- » Đối với đối tác kinh doanh: Duy trì mối quan hệ lâu dài và bền vững với đối tác trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích và quyền lợi của các bên, nhằm tạo ra những sản phẩm có lợi ích tốt nhất cho xã hội và các bên tham gia.
- » Đối với Cộng đồng xã hội: Hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.
- » Đối với Nhân viên: Những đóng góp của nhân viên được ghi nhận và trân trọng; Xây dựng môi trường làm việc tốt, tăng cường sự gắn kết của người lao động.



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU  
**AMC**  
ISO 9001 2008  
Đ : LÔ 32C - KCN NAM CẨM - NGHI LỘC - NGHỆ AN  
ĐT: 038.3791886 / FAX: 84 38 3791 555



TÊN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

TÊN TIẾNG ANH

ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY

MÃ CHỨNG KHOÁN

AMC



GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

2703001715 cấp ngày 28/12/2007 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư  
Nghệ An



VỐN ĐIỀU LỆ

28,5 Tỷ đồng



TRỤ SỞ CHÍNH

Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện  
Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam



SỐ ĐIỆN THOẠI

+84 238 3791 777



SỐ FAX

+84 238 379 555

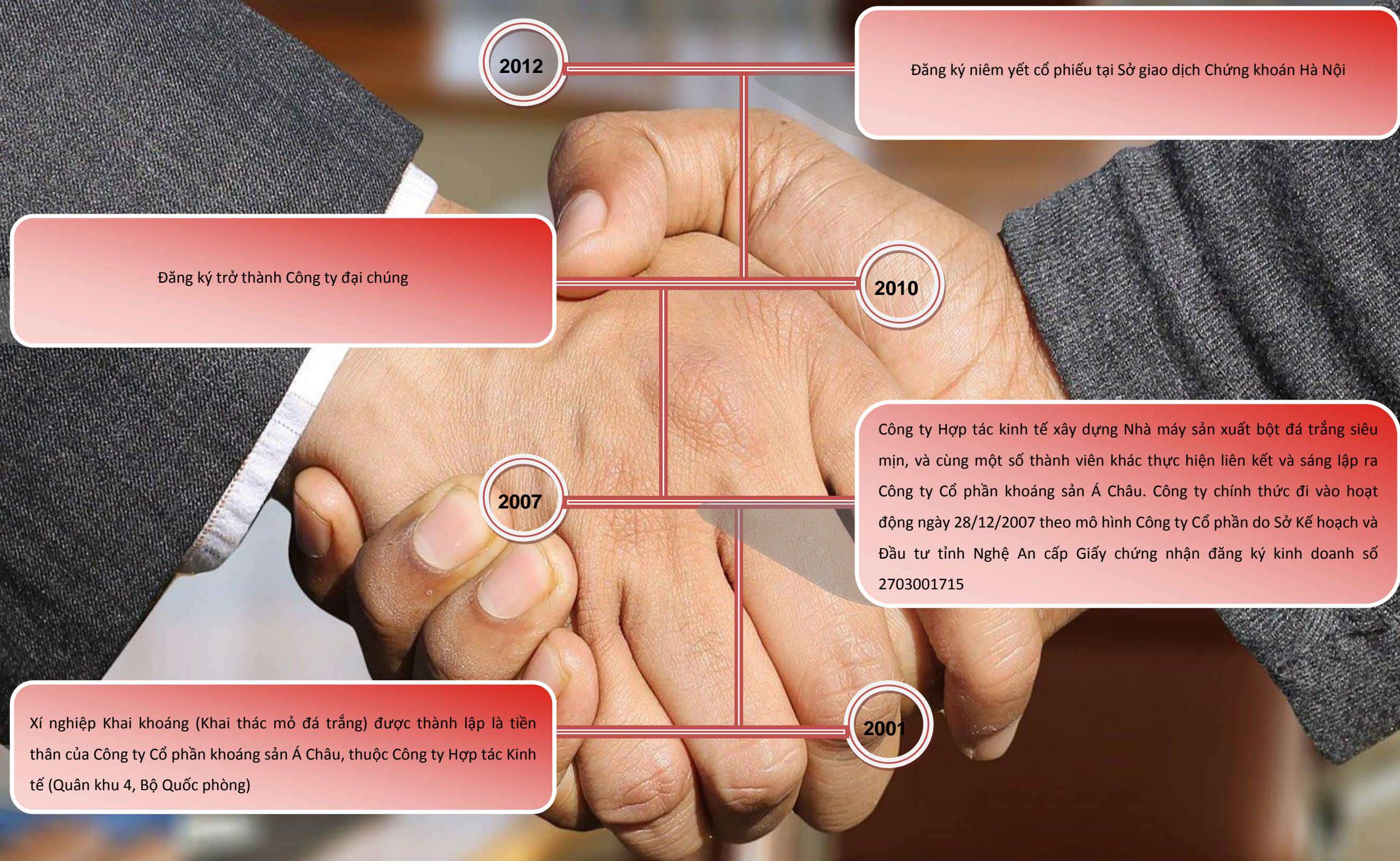


WEBSITE

<http://www.amcvina.vn>



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN







» Lĩnh vực kinh doanh

Sơ lược về lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm bột đá vôi siêu mịn ( $\text{CaCO}_3$ ). Sản phẩm  $\text{CaCO}_3$  siêu mịn có trắng phủ và không trắng phủ của AMC được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm, dược phẩm, bột trét tường,... và được khách hàng công nhận là lựa chọn tốt nhất của họ.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu là

- » Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- » Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;
- » Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác.



» Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

Các sản phẩm Công ty hiện sản xuất và kinh doanh chính gồm có:

- » Đá vôi trắng (đá học) dạng thô kích thước 100 -400mm
- » Bột không trắng phủ và có trắng phủ kích thước từ 5 đến 30  $\mu\text{m}$
- » Hoặc các sản phẩm theo yêu cầu

TT	Mã sản phẩm	Độ mịn		Cỡ hạt	
		D50	D97	mm	Mesh
1	NSS-500/C	0.60 $\mu\text{m}$ Max	5.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.005	2500
2	NSS-800/C	1.90 $\mu\text{m}$ Max	8.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.008	2200
3	NSS-1000/C	2.30 $\mu\text{m}$ Max	10.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.010	2000
4	NSS-1500/C	3.20 $\mu\text{m}$ Max	15.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.015	1250
5	NSS-2000/C	4.50 $\mu\text{m}$ Max	20.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.020	850
6	NSS-2500/C	5.50 $\mu\text{m}$ Max	25.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.025	710
7	NSS-3000/C	6.50 $\mu\text{m}$ Max	30.0 $\mu\text{m} \pm 1.0$ Max	0.030	600

Đặc tính đá vôi ( $\text{CaCO}_3$ ) có tính chất không cứng, không bền như các loại đá khác nên không thể ứng dụng được trong xây dựng và điêu khắc. Tuy nhiên, do tỉ lệ canxi trong đá cao nên đá vôi được khai thác, trải qua quá trình sản xuất cho ra bột đá trắng siêu mịn với vai trò là thành phần phụ gia, nguyên liệu, chất độn, nhằm mục tiêu tăng cường một số đặc tính cần thiết cho sản phẩm cũng như hạ giá thành sản phẩm cuối cùng.

Những thông tin cơ bản về sản phẩm bột đá trắng siêu mịn của Công ty:

Các thành phần hóa học		Các đặc tính vật lý	
Hàm lượng $\text{CaCO}_3$	98.98 %	Độ sáng	$\geq 96\%$
Hàm lượng $\text{MgCO}_3$	$\leq 0.21\%$	Độ trắng	$\geq 97\%$
Hàm lượng $\text{Fe}_2\text{O}_3$	$\leq 0.02\%$	Độ ẩm	$\leq 0.2\%$
Hàm lượng $\text{Al}_2\text{O}_3$	$\leq 0.03\%$	Khối lượng riêng	2.7g/cm <sup>3</sup>
Hàm lượng $\text{SiO}_2$	$\leq 0.12\%$	Độ thấm dầu (cỡ hạt mịn nhất)	$\geq 24\text{g}/100\text{g}$ of $\text{CaCO}_3$
Hàm lượng $\text{Na}_2\text{O}$	$\leq 0.05\%$	Hao hụt khi đốt cháy	$\leq 43.08\%$



### » Địa bàn kinh doanh

Hoạt động khai thác của Công ty diễn ra tại huyện Quỳnh Hợp- Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), Công ty sở hữu 02 mỏ đá vôi trắng có chất lượng tốt nhất Việt Nam, với tổng diện tích hơn 45 hecta và trữ lượng hơn 30 triệu tấn. Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách cảng Cửa Lò chỉ 5km, thuận tiện và tiết giảm chi phí vận chuyển, gần nguồn khai thác nguyên liệu.

### Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Thị trường kinh doanh của Công ty trong nước chủ yếu ở miền Bắc, miền Nam và miền Đông Nam Bộ. Thị trường này đem đến khoảng 70% doanh thu cho Công ty.

### Thị trường trong nước

- |             |                         |
|-------------|-------------------------|
| » Hà Nội    | » Thành phố Hồ Chí Minh |
| » Hà Nam    | » Đồng Nai              |
| » Hải Phòng | » Bình Dương            |
| » Nghệ An   | » Long An               |
| » Hưng Yên  | » Bình Phước            |
| » Hải Dương | » An Giang              |

### Thị trường nước ngoài

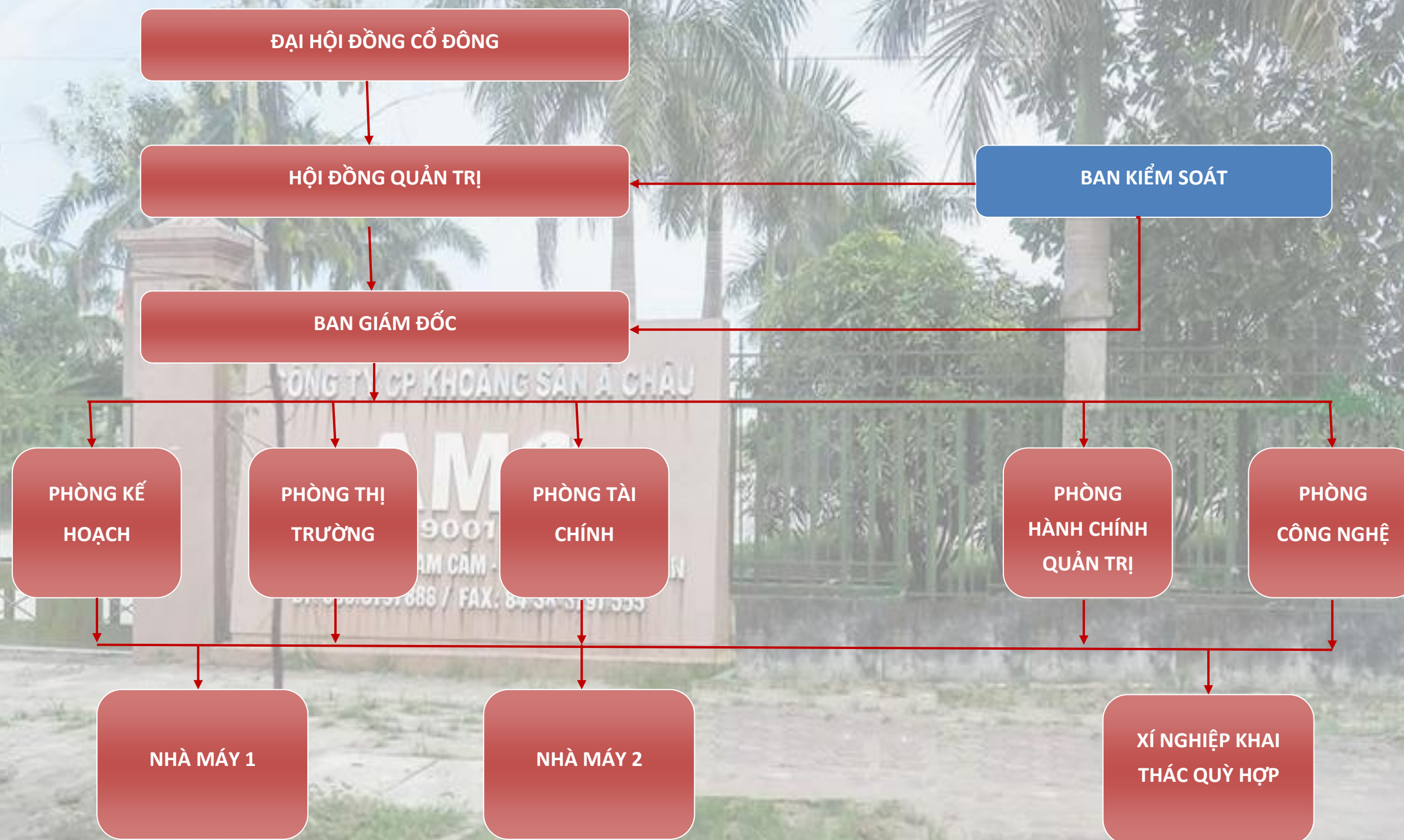
- » Ấn Độ
- » Băng La Đét
- » Thái Lan
- » Bruneý
- » Hàn Quốc
- » Nhật Bản
- » Hồng Kong
- » Trung Quốc
- » Sri- Lan- Ka



Ngoài ra, sản phẩm bột  $\text{CaCO}_3$  siêu mịn có trắng phủ và không trắng phủ của Công ty còn được các doanh nghiệp nước ngoài nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Việc xuất khẩu sản phẩm của Công ty đi nước ngoài được thực hiện chủ yếu qua cảng Cửa Lò và cảng Hải Phòng rất thuận tiện. Doanh thu khu vực xuất khẩu chiếm 30% tỷ trọng trong tổng doanh thu



# TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY







## » Giới thiệu ban quản trị công ty Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013- 2017



**Ông Võ Văn Hiệp**

*Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

### Trình độ chuyên môn:

- » Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế

### Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 1996 – 2001: Trợ lý KH Xí nghiệp Xây lắp – Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2001 – 2002: Phó phòng Kế hoạch Công ty Xây dựng COECCO Lào
- » 2002 – 2003: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây dựng COECCO Lào
- » 2003 – 2005: Phó giám đốc Công ty phát triển Miền núi – Tổng công ty Hợp tác Quốc tế
- » 2009 – 2016: Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng và Du lịch Sơn Kim- Tổng Công ty Hợp tác Quốc tế
- » 2016 đến nay: Trưởng phòng tổ chức Lao động – Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế. kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO.

**Ô**ng Võ Văn Hiệp được sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ và HĐQT giữ chức danh Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 19/05/2017. Với kinh nghiệm nhiều năm công tác tại Tổng Công ty Hợp tác kinh tế và trải qua nhiều vị trí công tác tại các đơn vị, tổ chức uy tín khác trên địa bàn huyện Nghệ An, ông là người lãnh đạo hiểu địa bàn Công ty đang hoạt động. Với kinh nghiệm và sự tin tưởng được giao phó, Công ty dưới sự định hướng của Ông và các thành viên HĐQT sẽ có nhiều bước chuyển mình tích cực, thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không ngừng phát triển và phục vụ kinh tế địa phương và đất nước.

### Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- » Trưởng phòng Tổ chức lao động Tổng Công ty Hợp tác kinh tế
- » Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Trường Sơn COECO



**Ông Hoàng Trọng Diên**

*Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*

### Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân kinh tế

### Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:

- » 1994-1996: Cán bộ kế hoạch – Công ty Hợp tác Kinh tế
- » 2008- đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu, kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị

**T**ham gia vào công tác quản trị tại Công ty nhiều năm liền đã khẳng định kinh nghiệm và uy tín của ông Hoàng Trọng Diên. Trong nhiệm độ 2016-2017, Ông đã hỗ trợ tham vấn việc hoạch định và triển khai các dự án đầu tư của Công ty, giúp duy trì tiến độ các dự án, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, Ông cũng ưu tiên thực hiện các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định nhất là với đặc thù Công ty cơ cấu lao động phổ thông chiếm tỷ trọng lớn.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không



## » Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013- 2017



**Ông Lê Mạnh Hùng**  
*Ủy viên Hội đồng Quản trị*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Thạc sĩ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 2002-2006: Chuyên viên quan hệ quốc tế - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- » 2006- nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty

Với vai trò chất vấn, giám sát và tham mưu công tác quản lý Công ty. Ông Lê Mạnh Hùng- thành viên HĐQT độc lập không tham gia vào điều hành – đã góp phần dung hòa lợi ích của các cổ đông và đặc biệt bảo vệ quyền, lợi ích của cổ đông nhỏ. Trong niên độ tiếp theo, hy vọng Ông sẽ tiếp tục đồng hành cùng với Công ty và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, cùng với các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị đóng góp tích cực trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- » Giám đốc Công ty TNHH Trường Hồng



**Ông Nguyễn Văn Chương**  
*Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 2002-2005: Kế toán – TT xuất khẩu lao động – Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2006-2007: TB tài chính – Ban dự án Sơn La- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2008- nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Nhiều năm công tác chuyên môn, Ông Nguyễn Văn Chương được đánh giá là người giỏi chuyên môn, vững nghiệp vụ. Tại Công ty, Ông hỗ trợ HĐQT công tác tham vấn về hoạt động tài chính cho hoạt động sản xuất diễn ra thường nhật và công tác hoạch định chiến lược dài hạn, đảm bảo sự vận hành của Công ty đạt hiệu quả tốt nhất, mang đến những sản phẩm chất lượng tốt nhất với mức đầu tư tối ưu.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không



## » Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013- 2017



**Ông Nguyễn Trung Thành**

*Ủy viên Hội đồng Quản trị*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 2003-2007: Cán bộ, Công ty XD và PT hạ tầng thuộc Bộ NN và PTNT.
- » 2008- nay: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng kế hoạch – thị trường Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu.

Với kinh nghiệm hoạch định kế hoạch thị trường sắc bén, cùng sự hiểu biết về doanh nghiệp, Ông Nguyễn Trung Thành đã góp phần vào việc đưa Công ty vượt qua những khó khăn của nền kinh tế nói chung và đặc thù ngành nói riêng, đồng thời gặt hái được những đóng góp mới. Trong giai đoạn phát triển tới, hy vọng Ông sẽ tiếp tục được tin nhiệm và phân công phụ trách tiếp mảng công việc hiện tại được giao phó, đồng thời góp phần thực thi kế hoạch phát triển của Công ty.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không



**Ông Trần Minh Hưng**

*Trưởng Ban Kiểm soát*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 2002 – 2003: Nhân viên Ban quản lý đội gỗ Nậm Tạc – Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2004: Kế toán đội Xây dựng phòng Cơ sở - Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2005 – 2006: Phòng Thị trường – Công ty Phát triển Khoáng sản thuộc Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2006 – nay: Kế toán Đội gỗ Bắc Lào – Tổng công ty Hợp tác Kinh tế.

Là một người am hiểu chuyên sâu công tác tài chính , hoạt động trong ngành và đặc biệt lĩnh vực kiểm soát và quản trị rủi ro, Ông Trần Minh Hưng đã có những đóng góp bước đầu kể từ khi được tin tưởng bổ nhiệm giữ chức danh Trưởng ban Kiểm soát. Trong đó phải kể đến vai trò trong việc nghiên cứu hệ thống kiểm soát hiệu quả trên cơ sở đảm bảo cao nhất tính tuân thủ, nhằm bảo vệ hơn nữa lợi ích cổ đông, mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- » Kế toán Đội gỗ Bắc Lào – Tổng công ty Hợp tác Kinh tế



## >> Ban kiểm soát



**Ông Nguyễn Thành Hưng**

*Ủy viên Ban Kiểm soát*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Cử nhân

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 2002-2007: Cán bộ kỹ thuật – Công ty Hợp tác Quốc tế
- » 2008- nay: Ủy viên ban kiểm soát, Trưởng phòng Công nghệ kỹ thuật Công ty CP Khoáng sản Á Châu

**Ô**ng Nguyễn Thành Hưng, với vai trò là kiểm soát viên của Công ty, đã đóng góp tích cực trong việc giám sát các công tác quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không



**Bà Trần Thị Hồng Thái**

*Ủy viên Ban Kiểm soát*

**Trình độ chuyên môn:**

- » Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác và kinh nghiệm nổi bật:**

- » 1999-2006: Kế toán, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.
- » 2006-2007 : Kế toán trưởng, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.
- » 2008 – nay: Ủy viên ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Á Châu.

**V**ới kinh nghiệm làm việc, Bà Trần Thị Hồng Thái đã hỗ trợ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ giám sát công tác kế toán, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đảm bảo các quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc là phù hợp với pháp luật, với các nghị quyết của ĐHĐCĐ và bảo vệ lợi ích của các cổ đông.

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- » Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT- Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh





Cơ cấu nhân sự và chính sách nhân sự

Tổng số cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu tính đến ngày 31/12/2017 là 122 người, được phân loại như sau:

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ trọng
A	<b>Theo trình độ lao động</b>		
	Đại học và trên đại học	33	27.05%
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	9	7.38%
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	46	37.70%
	Lao động phổ thông	34	27.87%
B	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
	Lao động trực tiếp	90	73.77%
	Lao động gián tiếp	32	26.23%
C	<b>Theo giới tính lao động</b>		
	Nam	106	86.89%
	Nữ	16	13.11%
D	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>		
	Hợp đồng có xác định thời hạn	64	52.46%
	Hợp đồng không xác định thời hạn	58	47.54%
E	<b>Theo độ tuổi</b>		
	Từ 25-35	53	43.44%
	Trên 35	69	56.56%
F	<b>Theo thời gian làm việc tại Công ty</b>		
	Từ 0-2 năm	17	13.93%
	Từ 2-5 năm	37	30.33%
	Từ 5-10 năm	68	55.74%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>122</b>	<b>100%</b>

Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

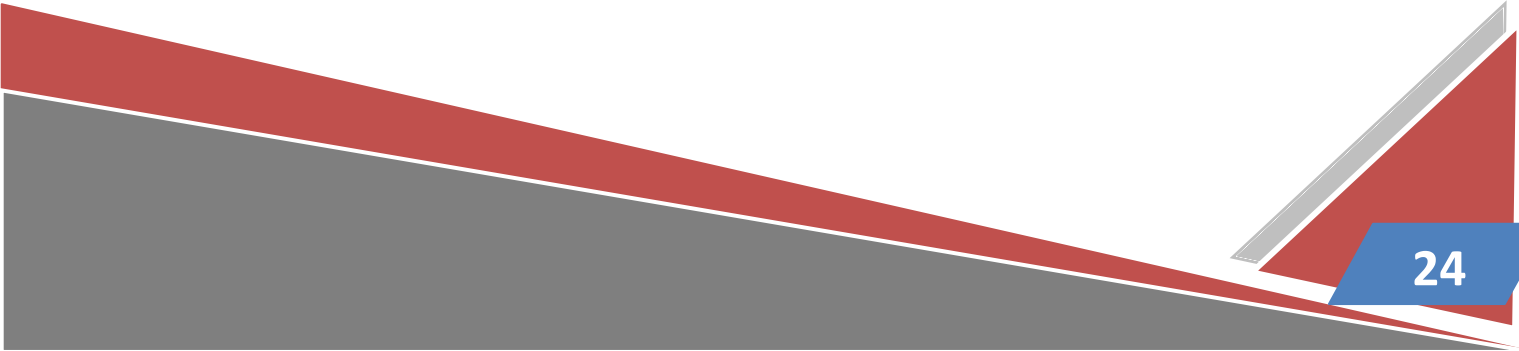
Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Ngành này đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động phổ thông và công nhân buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Công ty

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ,...giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ nhân viên. Đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Bên cạnh đó, Ban giám đốc cũng chú trọng, quan tâm đến vấn đề đời sống của người lao động: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc,...là các hoạt động hàng năm được Công ty chú trọng và chăm lo. Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm,...Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp sản xuất tại Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.







## »» Định hướng chủ yếu của Công ty

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- » Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.
- » Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.
- » Tiếp tục nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

## »» Định hướng chi tiết

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là lĩnh vực chủ lực, là cốt lõi của Công ty, đồng thời tiếp tục chiến lược đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.
- » Duy trì và củng cố đầu tư, khai thác các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò phát triển khai thác các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ phát triển các sản phẩm mới kể cả việc xây dựng thêm các nhà máy khác.
- » Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất về đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản,...bảo vệ môi trường, để đảm bảo ổn định sản phẩm cung ứng, là cơ sở để mở rộng thị trường tiêu thụ.
- » Duy trì vị thế doanh nghiệp trên thị trường; Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, các khách hàng để hiện thực hóa chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

## Định hướng về môi trường, xã hội và cộng đồng

- » Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- » Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- » Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.
- » Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.



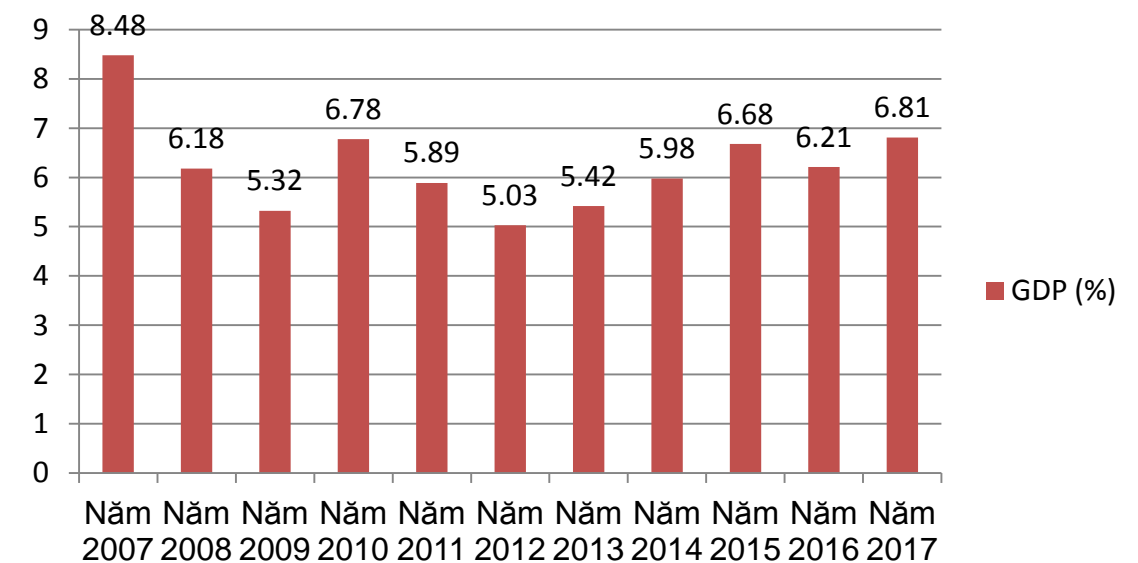
# RỦI RO CỦA CHÚNG TÔI

## Rủi ro về kinh tế

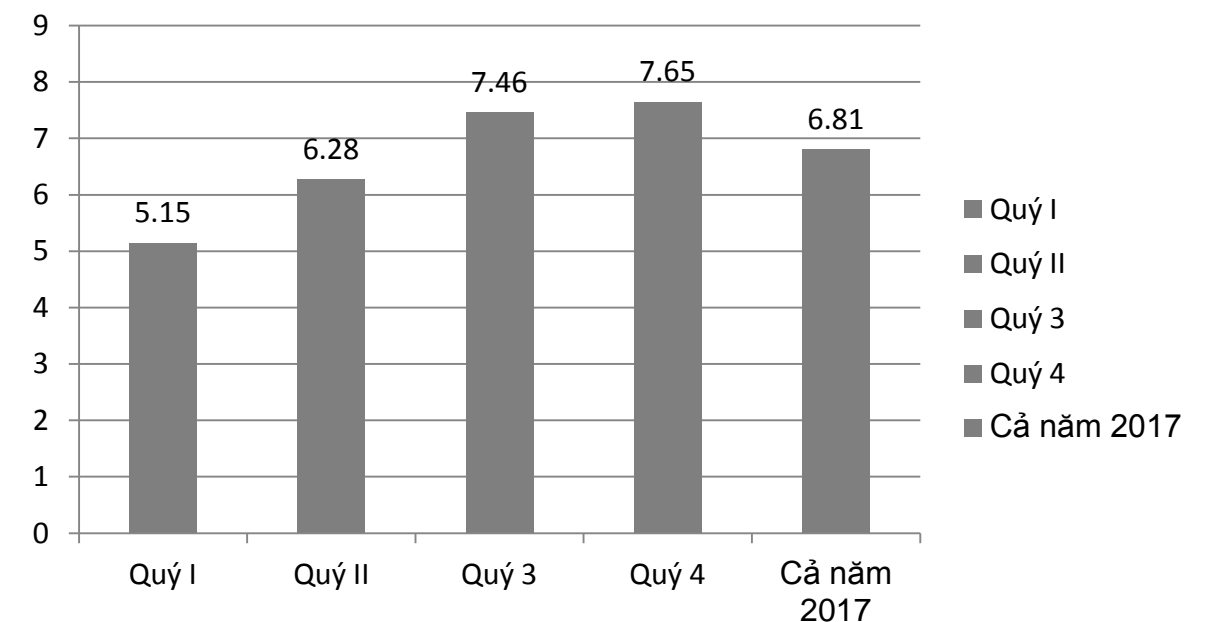
» Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi để công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên liệu, năng lượng, tỷ giá, .. Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2017 theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính đạt 6,81%, cao hơn mức kế hoạch đề ra là 6,7% và cao hơn GDP cả năm 2016 là 6,21%. Có được kết quả trên phải kể đến sự tăng trưởng “thần kỳ” của nền kinh tế cả nước trong quý 4 của năm 2017, với mức tăng trưởng vượt bậc đạt 7,65%. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển riêng trong tương lai, đặc biệt với những doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2007 -2017



Tăng trưởng GDP năm 2017





## Rủi ro cạnh tranh

Nghe An\_ địa bàn Công ty hoạt động cùng Yên Bái là 2 địa phương có trữ lượng đá trắng lớn nhất nước. Hiện nay, tính riêng trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp đã có đến 36 doanh nghiệp được cấp phép khai thác đá bao gồm cả các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đủ thấy thị trường áp lực cạnh tranh cao ngay chính thị trường trong nước. Bên cạnh đó, các nước Trung Quốc, Malaysia đang cạnh tranh thị phần với doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu ra nước ngoài.

Chiếm 30% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa nên giá cả trên thị trường thế giới có ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty. Thị trường tiêu thụ sản phẩm ra nước ngoài của Công ty chủ yếu là Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc,...sự thay đổi chính sách nhập khẩu và nhu cầu sử dụng sản phẩm là rủi ro lớn Công ty phải đối mặt.

## Giải pháp

» Công ty đã và đang có chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và chủ động hơn trong việc kiểm soát kỳ hạn các hợp đồng ký kết. Chú trọng xây dựng hoạch định chiến lược, hoạt động kinh doanh linh hoạt để Công ty có thể tồn tại và phát triển trước áp lực cạnh tranh cao trên thị trường hiện nay.

## Rủi ro pháp luật

» Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, vì vậy hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật môi trường,...Hiện các luật trên đang được Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để hướng đến sự thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, bất kỳ sự thay đổi nào cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến chính sách và hoạt động của Công ty. Đặc biệt, phải kể đến những quy định về hạn chế hay khuyến khích khai thác khoáng sản (trong đó có thuế xuất khẩu; phí, thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông tư 44/2017 của Bộ Tài chính) có ảnh hưởng

rất lớn đến toàn ngành và là những rủi ro nổi cộm nhất cho các doanh nghiệp trong gian đoạn này.

## Giải pháp

» Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được diễn ra liên tục và không bị gián đoạn.

## Rủi ro đặc thù ngành

» Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây những khó khăn cho các doanh nghiệp. Trước khi xin được giấy phép khai thác, doanh nghiệp phải thực hiện công tác điều tra, thăm dò địa chất để ra được báo cáo hàm lượng và trữ lượng của mỏ. Trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí nhất định đối với công tác làm địa chất. Thêm vào đó, yêu cầu về công nghệ khai thác cũng rất nghiêm ngặt, đầu tư chi phí ban đầu rất lớn.

Một rủi ro khác mà doanh nghiệp phải đối mặt đó là, rủi ro trong trường hợp khâu thăm dò không phản ánh đúng thực tế (số lượng và chất lượng kém hơn thực tế). Công suất khai thác thực không đạt kế hoạch ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí thành phẩm lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp kế hoạch sản xuất của Công ty.

## Giải pháp

» Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.





## Rủi ro môi trường

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối từ dư luận đối với hoạt động khai thác là hoạt động đem lại doanh thu chính cho Công ty. Việc thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao thể hiện việc nâng rào của Nhà nước đối với hoạt động này và sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## Giải pháp

Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro liên quan đến môi trường cho từng lĩnh vực hoạt động và mức độ thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro để có những biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Song song với đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng phổ biến rộng rãi các Quy định về “Việc bảo vệ môi trường” cho từng lĩnh vực hoạt động. Quy định nêu rõ Đối tượng thực hiện, Phạm vi áp dụng và các giải pháp cụ thể để hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật về môi trường và không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và cộng đồng xung quanh nơi Công ty hoạt động.

## Rủi ro khác

Khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động và thay đổi của điều kiện tự nhiên: bão, lũ, động đất,... Yếu tố thời tiết ảnh hưởng tương đối lớn đến tiến độ, sản lượng khai thác hoặc các dự án, công trình đang triển khai của Công ty.

## Giải pháp

Để hạn chế tối đa những thiệt hại bất khả kháng có thể xảy ra, Công ty dự kiến tham gia bảo hiểm cho tài sản và các công trình thăm dò mà Công ty đang triển khai.





» Kết quả sản xuất kinh doanh

» Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017





## Kết quả sản xuất kinh doanh

### Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Kết thúc năm 2017, nền kinh tế đã có những khởi sắc so với năm 2016 tuy nhiên chưa thực sự tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành khai khoáng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Năm 2017, Công ty đối mặt với nhiều biến động chung của ngành như việc Thông tư 44/2017 bắt đầu có hiệu lực,...bên cạnh đó, những khó khăn riêng có của Công ty về hoạt động khai thác cũng chưa thể chủ động kiểm soát được.

Tổng sản lượng sản xuất năm 2017 của Công ty đạt 100% so với kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thông qua đầu năm. Doanh thu giảm khoảng 11% so với doanh thu năm 2016 và đạt 92% kế hoạch đề ra.

Mặc dù vậy, lợi nhuận của Công ty vẫn tăng khoảng 26% so với kế hoạch năm 2017 do Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí bán hàng để giữ vững tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn khó khăn này.

#### Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH2017/TH2016	TH/KH 2017
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	104,392	105,000	104,749	100.3%	99.8%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	126,091	105,000	114,470	90.8%	109%
Doanh thu	Triệu đồng	166,541	160,484	147,497	88,6%	92%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13,331	10,045	12,721	95,4%	126.6%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12,645	9,537	12,058	95,4%	126.4%

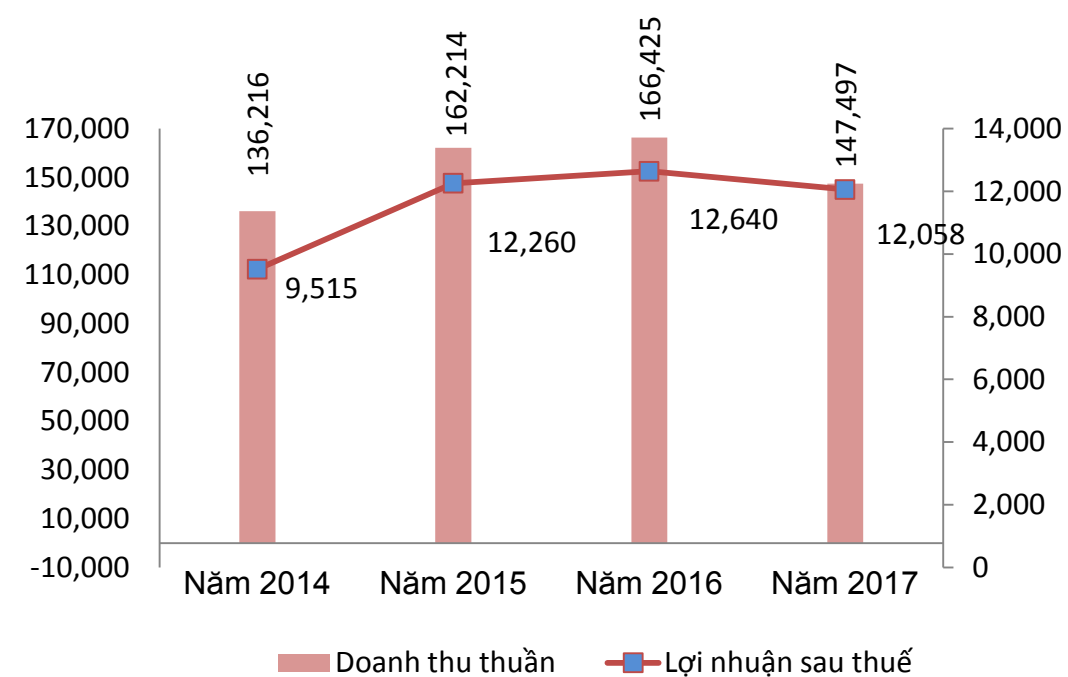


## Kết quả kinh doanh qua các năm

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2014 - 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Sản lượng sản xuất	Tấn	93,277	92,187	104,392	104,749
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	103,215	118,128	126,091	114,470
Doanh thu thuần	Triệu đồng	136,216	162,214	166,425	147,497
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9,515	12,260	12,640	12,058
Lãi cơ bản trên CP	Đồng	3,339	3,766	3,887	3.703
Cổ tức	%	28	35	35	35

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2014 – 2017 (ĐVT: Triệu đồng)





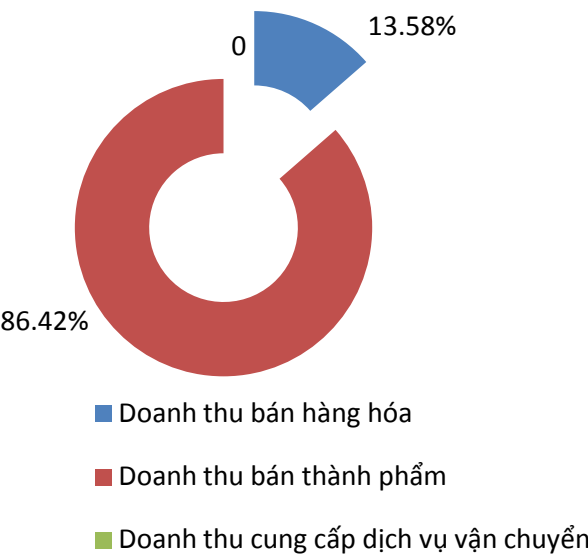


Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

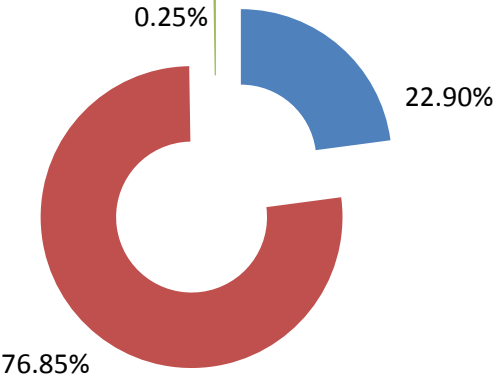
Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2014 – 2017 (ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng hóa	18,501	37,165	37,471	16,168
2	Doanh thu bán thành phẩm	117,714	124,680	128,600	131,218
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	368	354	109
Tổng		136,216	162,213	166,425	147,497

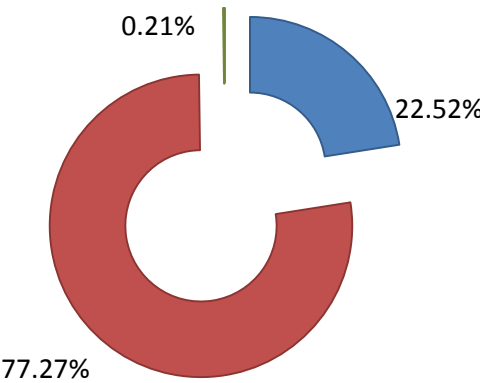
Cơ cấu doanh thu năm 2014



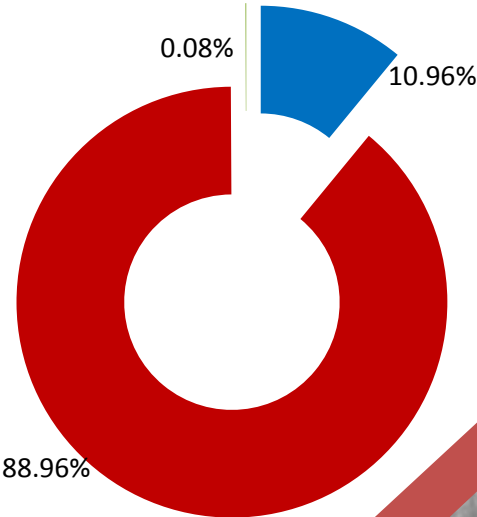
Cơ cấu doanh thu năm 2015



Cơ cấu doanh thu năm 2016



Cơ cấu doanh thu năm 2017







Các khoản đầu tư lớn trong năm

Đầu năm, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua kế hoạch đầu tư tiếp tục thực hiện dự án mỏ Châu Hồng, mỏ Châu Quang và đầu tư tăng năng suất dây chuyền nghiền bi Trung Quốc chưa được thực hiện và đang thực hiện dở dang. Nhìn chung tiến độ thực hiện các dự án này đang chậm hơn kế hoạch. Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư mới các tài sản, bao gồm:



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án	Thực hiện năm 2017
A	Đầu tư sân bê tông khu vực gara xe	811
B	Nhà kho bao bì	69
C	Máy nghiền đá KT 400*600	154
D	Đầu tư khai thác mỏ Châu Quang	5,499
1	03 máy đào	3,297
2	Xe howo 3 chân	1,163
3	Các máy móc công cụ khác	990
4	Nhà ăn	49
E	Đầu tư xe ô tô mới Prado	2,240
F	Đầu tư nhà văn phòng làm việc	1,274

Nhìn chung, năm 2017 đã ghi nhận công ty đã đẩy mạnh quản lý, đầu tư các dự án như kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua đầu năm. Tổng vốn đầu tư các dự án lớn tăng 33% so với thực hiện năm 2016, đạt khoảng 11 tỷ đồng cả năm. Tuy nhiên, vẫn còn các dự án đầu tư mỏ Châu Hồng chưa được hoàn thiện và triển khai.

Công ty không có các công ty con và không có công ty liên kết



## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2017/ Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	34,081,296,754	34,377,882,998	100.87%
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,106,708,811	259,287,553	8.35%
Các khoản phải thu ngắn hạn	20,860,966,091	22,684,823,586	108.74%
Hàng tồn kho	9,434,366,439	10,784,391,611	114.31%
Tài sản ngắn hạn khác	679,254,591	649,380,248	95.61%
Tài sản dài hạn	50,261,190,802	54,156,874,736	107.75%
Các khoản phải thu dài hạn	998,528,739	1,455,728,341	145.79%
Tài sản cố định	45,694,083,658	49,467,898,514	108.26%
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	3,568,578,405	3,233,247,881	90.60%
Tổng tài sản	84,342,487,556	88,534,757,734	104.97%
Nợ phải trả	34,377,104,467	38,050,552,185	110.69%
Nợ ngắn hạn	34,377,104,467	33,713,252,185	98.07%
Nợ dài hạn	-	4,337,300,000	-

Đặc thù là doanh nghiệp ngành khoáng sản, tài sản cố định chủ yếu của Công ty là máy móc, cơ sở vật chất phục vụ công tác khai thác nên chưa có sự thay đổi quá lớn so với năm 2016. Năm 2017 là năm Công ty phải tăng vay; tăng chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn, đó là nguyên nhân tại thời điểm 31/12/2017 ghi nhận tiền và tương đương tiền ở mức thấp hơn 259 triệu đồng, chỉ đạt 8.35% so với cả năm 2016.

Việc vay nợ của Công ty chủ yếu để phục vụ đầu tư và tài trợ vốn lưu động trong quá trình hoạt động,... và đơn vị ý thức rõ ràng việc thực hiện đầy đủ cam kết và nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác là ngân hàng và nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.

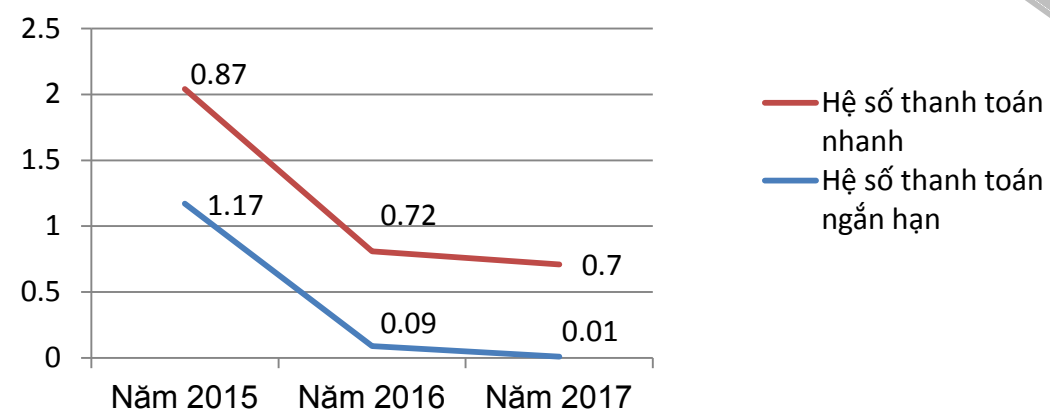
## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Năm 2017, Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ đến hạn, không phát sinh các khoản nợ xấu, đảm bảo hoạt động sản xuất bình thường của Công ty và uy tín đã cam kết với đối tác.

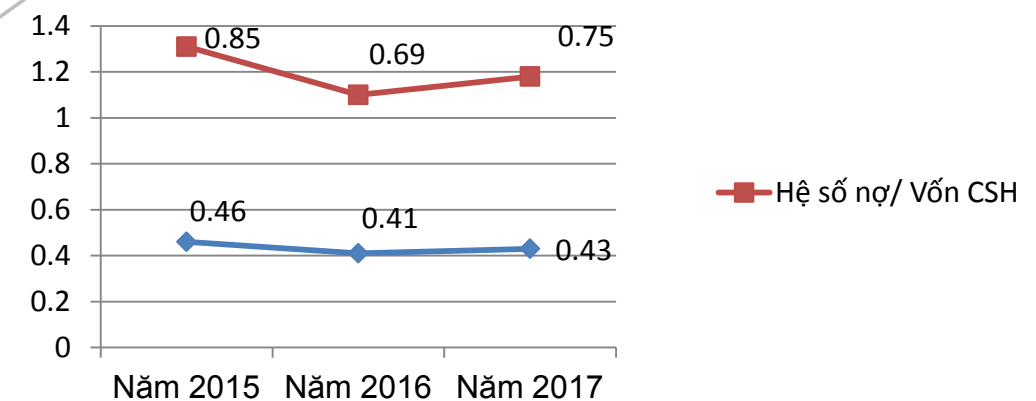
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Q4/ Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.17	0.09	0.01
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.87	0.72	0.70
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	0.46	0.41	0.43
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	0.85	0.69	0.75
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8.06	10.20	2.29
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1.8	1.91	0.39
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7.60	7.60	8.23
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	25.10	25.60	24.94
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	13.60	14.48	13.45
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	8.00	8.08	8.70



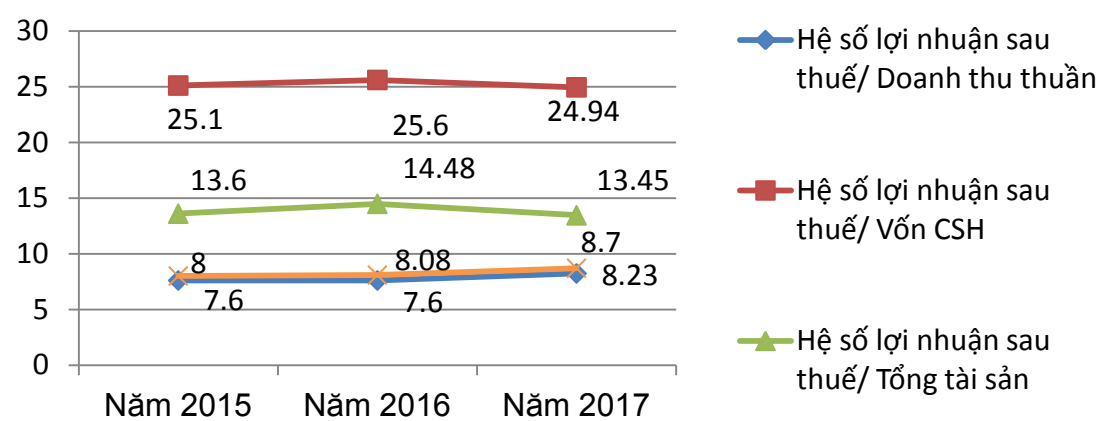
## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



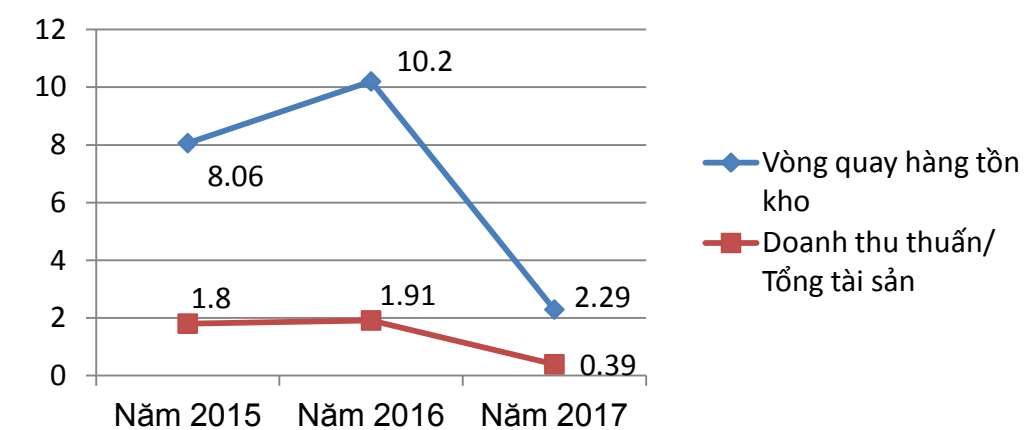
Chỉ tiêu khả năng thanh toán giai đoạn 2015- 2017



Chỉ tiêu cơ cấu vốn giai đoạn 2015-2017



Chỉ tiêu khả năng sinh lời giai đoạn 2015- 2017



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động giai đoạn 2015-2017

# CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

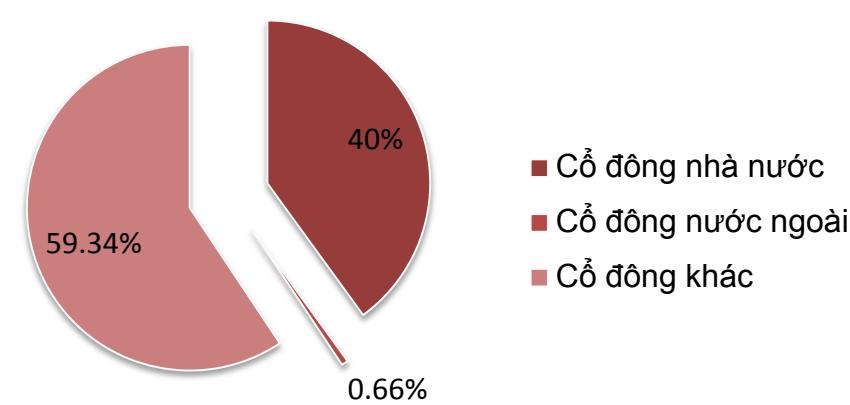
## Thông tin cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2017, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã phát hành 2.850.000 cổ phiếu, trong đó:

Cổ phần	
Số lượng cổ phần	2,850,000 Cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi	0 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông	2,850,000 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,850,000 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	2,850,000 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 Cổ phiếu

## Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/ 2017



STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần năm 2016	Tỷ lệ sở hữu năm 2016	Số lượng cổ phần năm 2017	Tỷ lệ sở hữu năm 2017
1	Cổ đông Nhà nước	1,140,000	40.00%	1,140,000	40.00%
2	Cổ đông Nước ngoài	18,900	0.66%	18,900	0.66%
3	Cổ đông khác	1,691,100	59,34%	1,691,100	59,34%
Tổng		2,850,000	100%	2,850,000	100%

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện thêm việc phát hành tăng vốn.

## Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An	1,140,000	40%





**Báo cáo Ban Giám Đốc**



**Báo cáo Hội đồng Quản trị**



**Quản trị Công ty**



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải cách về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Phương hướng phát triển





## Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

### Hoạt động sản xuất kinh doanh

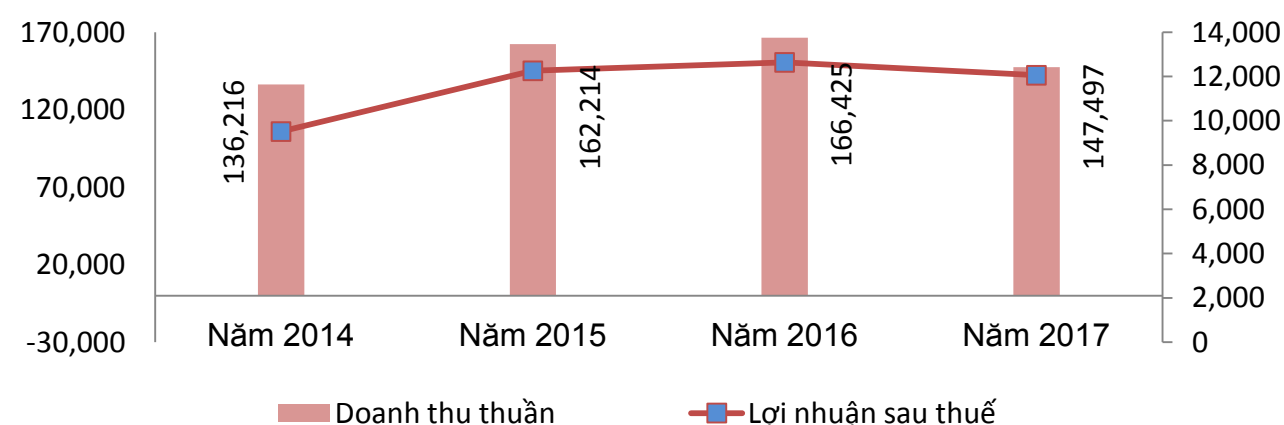
Kết thúc năm 2017, nền kinh tế đã có những khởi sắc so với năm 2016 tuy nhiên chưa thực sự tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành khai khoáng nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Năm 2017, Công ty đối mặt với nhiều biến động chung của ngành bên cạnh những khó khăn riêng có doanh nghiệp phải đối mặt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2017 cơ bản ổn định, có hiệu quả; các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu: Lợi nhuận trước thuế đạt 126.64% kế hoạch do Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí bán hàng để giữ vững tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn này.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH2017/TH2016	TH/KH 2017
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	104,392	105,000	104,749	100.3%	99.8%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	126,091	105,000	114,470	90.8%	109%
Doanh thu	Triệu đồng	166,541	160,484	147,497	88,6%	92%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13,331	10,045	12,721	95,4%	126.6%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12,645	9,537	12,058	95,4%	126.4%

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2014 – 2017



Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty, đơn vị kiểm toán có ý kiến khác về cách tính giá tài nguyên khoáng sản hiện đang được áp dụng tại Công ty. Theo đó, Công ty đang hiểu trị giá tài nguyên khoáng sản này không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên khoáng sản từ khai thác, nơi mua về nơi chế biến. Vì vậy, trong kỳ 6 tháng cuối năm 2016 và cả năm 2017, Công ty đã xác định giá trị tài nguyên khoáng sản chưa bao gồm Chi phí vận chuyển tài nguyên khoáng sản từ nơi khai thác.

Theo đó, giá thành thực tế thực hiện trong kỳ kế toán năm 2015 và năm 2016 của Công ty, trị giá tài nguyên khoáng sản đưa vào chế biến (đã bao gồm chi phí vận chuyển) cộng với chi phí năng lượng chiếm trên 51% giá thành sản phẩm sản xuất. Ước tính số thuế GTGT Công ty đã khấu trừ đối với bột đá xuất khẩu kỳ 6 tháng cuối năm 2016 là 1.304.012.912 đồng và 1.849.509.963 đồng đối với kỳ kế toán năm 2017. Như vậy, ảnh hưởng của khoản thuế GTGT trên nếu ghi nhận đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty, và ghi nhận giảm 3.153.522.875 đồng.

Hiện Công ty đã gửi công văn xin ý kiến Bộ Tài chính về cách hiểu khác nhau giữa Công ty và đơn vị kiểm toán và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật khi nhận được công văn trả lời.

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016 (Đồng)	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2017/ Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	34,081,296,754	34,377,882,998	100.87%
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,106,708,811	259,287,553	8.35%
Các khoản phải thu ngắn hạn	20,860,966,091	22,684,823,586	108.74%
Hàng tồn kho	9,434,366,439	10,784,391,611	114.31%
Tài sản ngắn hạn khác	679,254,591	649,380,248	95.61%
Tài sản dài hạn	50,261,190,802	54,156,874,736	107.75%
Các khoản phải thu dài hạn	998,528,739	1,455,728,341	145.79%
Tài sản cố định	45,694,083,658	49,467,898,514	108.26%
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	3,568,578,405	3,233,247,881	90.60%
Tổng tài sản	84,342,487,556	88,534,757,734	104.97%
Nợ phải trả	34,377,104,467	38,050,552,185	110.69%
Nợ ngắn hạn	34,377,104,467	33,713,252,185	98.07%
Nợ dài hạn	-	4,337,300,000	-

Tài sản của Công ty sau năm 2016 có dấu hiệu giảm là bước đệm đà tăng nhẹ tổng tài sản khi kết thúc năm 2017 khoảng 5%. Nguyên nhân đến từ việc tăng tài sản dài hạn, chủ yếu do Công ty đầu tư thêm khoảng 8% cho tài sản cố định so với mức đầu tư năm 2016, các hạng mục đầu tư như máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải truyền dẫn phục vụ khai thác và chế biến sản phẩm.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, về cơ bản là không có sự thay đổi đột biến giữa các khoản trong năm 2017. Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 66.00% trong năm nay và tăng khoảng 5% so với năm 2016. Tiếp

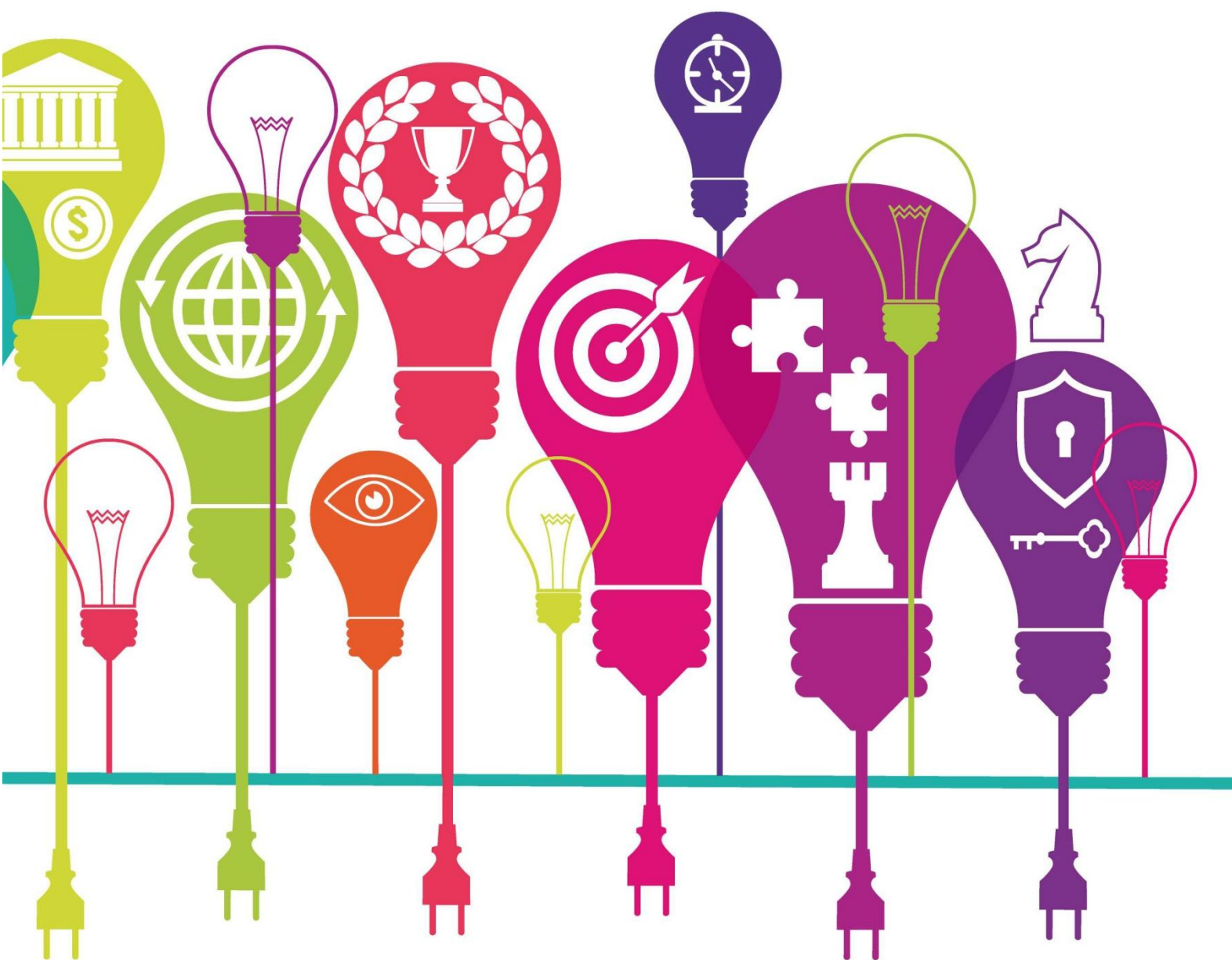
### Nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch (%)
I. Nợ ngắn hạn	34,377,104,467	33,713,252,185	98
1. Phải trả cho người bán	14,712,741,099	14,392,727,413	97
2. Người mua trả tiền trước	100,971,241	244,621,900	242
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	255,045,587	619,986,418	243
4. Phải trả người lao động	7,359,077,290	5,807,062,335	78
5. Chi phí phải trả	120,790,295	224,953,229	186
6. Phải trả ngắn hạn khác	298,874,707	732,999,913	245
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11,350,536,180	11,683,947,834	103
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	179,068,068	6,953,143	388
II. Nợ dài hạn		4,337,300,000	-
Tổng Nợ phải trả	34,377,104,467	38,050,552,185	110

Kết thúc năm 2017, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 38 tỷ đồng chiếm 43% cơ cấu tổng tài sản. So với năm 2016, tỷ trọng này tăng nhẹ 3%. Trong đó, phải kể đến nguyên nhân do tăng nợ dài hạn đến từ khoản vay trung hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Việc vay nợ của Công ty chủ yếu để phục vụ đầu tư và tài trợ vốn lưu động trong quá trình hoạt động,... và Công ty cũng ý thức rõ ràng việc thực hiện đầy đủ cam kết và nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác là ngân hàng và nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.

Năm 2017, Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ đến hạn, không phát sinh các khoản nợ xấu, đảm bảo hoạt động sản xuất bình thường của Công ty và uy tín đã cam kết với đối tác.





## » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Công tác kế hoạch

- » Xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý kịp thời, tính khả thi cao.
- » Áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật vào từng cung đoạn sản xuất. Thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ chi phí trong toàn Công ty. Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất hợp lý và khoa học.
- » Quản lý tốt giá thành sản xuất. Lựa chọn được các đối tác cung cấp nguyên liệu như: Bao bì, đá trắng, dịch trợ nghiền,... ổn định, đảm bảo về chất lượng, giá cả tốt nhất.

### Công tác thị trường

- » Xây dựng chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt phù hợp với thị trường nội địa và xuất khẩu mang lại hiệu quả.
- » Kịp thời tiếp cận thị trường xuất khẩu, từng bước khẳng định vị trí tốp đầu trong lĩnh vực xuất khẩu bột đá. Doanh thu xuất khẩu chiếm 30%.
- » Quản lý tốt thị trường đã có, không ngừng khai thác mở rộng thị trường, lựa chọn khách hàng đảm bảo an toàn trong công nợ.
- » Từng bước xây dựng thương hiệu AMC và nhãn hiệu hàng hóa NSS của Công ty thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Thương hiệu của Công ty được khách hàng trong nước và nước ngoài tín nhiệm.

### Công tác quản lý tài chính

- » Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới.
- » Đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD, tận dụng được tín dụng cho vay bằng ngoại tệ, phát huy hiệu quả sử dụng đồng vốn. Quản lý tốt chi phí.
- » Đảm bảo tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho người lao động
- » Đảm bảo được công tác thu hồi công nợ.

### Công tác kỹ thuật – công nghệ

- » Quản lý tốt phương tiện máy móc thiết bị, khắc phục máy móc hỏng hóc kịp thời, bảo dưỡng máy móc đúng quy định và quy trình.
- » Đảm bảo vật tư kịp thời, quản lý tốt công cụ dụng cụ.

Quản lý tốt công tác đầu tư, tham mưu cho Giám đốc tiết kiệm trong đầu tư.



## » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (tiếp theo)

### Công tác tổ chức lao động – hành chính

- » Công tác tuyển dụng: Phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- » Công tác tiền lương: Tính chính xác cao, đảm bảo lợi ích cho người lao động, động viên khen thưởng kịp thời.
- » Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

### Công tác điều hành tại 2 phân xưởng

- » Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị. Khắc phục MMTB khi hỏng hóc.
- » Thực hiện tốt các lệnh sản xuất của Công ty.

### Công tác điều hành tại Đội đá Quỳ Hợp

- » Xây dựng và áp dụng có hiệu quả quy trình quy phạm trong khai thác đá (đảm bảo an toàn lao động trong hoạt động khai thác).
- » Quản lý tốt các đối tác hợp tác với Công ty.
- » Tự đảm bảo một phần tiền lương cho lao động trực tiếp.

### Công tác đầu tư

Trong năm, Công ty đã đầu tư mới các tài sản, tổng trị giá đầu tư ~ 11.000 triệu đồng. Bao gồm:

- » Xe ô tô Prado, phục vụ công tác thị trường, nguyên giá: 2.240 triệu đồng.
- » Đầu tư khai thác mỏ Châu Quang, tổng nguyên giá: 5.499 triệu đồng (03 máy đào: 3.297 triệu đồng, các máy móc công cụ khác: 990 triệu đồng, 01 xe ô tô tải Howo: 1.163 triệu đồng, nhà ăn: 49 triệu đồng).
- » Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà làm việc văn phòng: 1.274 triệu đồng.
- » Sân bê tông khu vực gara xe: 811 triệu đồng.
- » Nhà kho bao bì: 69 triệu đồng.
- » Máy nghiền đá KT: 400x600: 154 triệu đồng.

### Công tác thực hiện Nghị quyết Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị

Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2017.

### Một số tồn tại và hạn chế

- » Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu.
- » Một số quy chế, quy định nội bộ đã được ban hành lâu nay có một số bất cập hoặc một số nội dung chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.
- » Một số hạng mục trong công tác đầu tư còn chậm, chưa kịp thời.

## » Phương hướng phát triển

Kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư đang dở: mỏ Châu Hồng, mỏ Châu Quang, dự án tăng năng xuất mìn nghiền bi,...

- » Đầu tư mỏ Châu Hồng: 4,800 triệu đồng trong đó: Nhà điều hành, nhà ở cán bộ công nhân: 800 triệu đồng; Đường lên mỏ: 1.500 triệu đồng; Chi phí mở moong - vỉa: 1.500 triệu đồng. San lấp mặt bằng làm kho bãi tập kết nguyên liệu: 1.000 triệu đồng.
- » Đầu tư tăng năng lực sản xuất (dây chuyền nghiền bi Trung Quốc): 16.560 triệu đồng.

Tổng mức đầu tư cho các dự án của Công ty năm 2018 là 21,360 triệu đồng





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Đánh giá về mọi mặt hoạt động của công ty

### Đánh giá tình hình vĩ mô, ngành

Hoạt động SXKD của Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu năm 2017 nhìn chung ổn định, phát triển và có hiệu quả, thị trường được mở rộng, chất lượng sản phẩm được duy trì và tạo được uy tín thương hiệu trên thị trường. Lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, nghĩa vụ đối với Nhà nước được thực hiện đầy đủ.

#### Thuận lợi

Để có được kết quả trên là nhờ sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV trong toàn Công ty;

HĐQT Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình của đơn vị, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

Chính sách chất lượng sản phẩm được Công ty ưu tiên hàng đầu vì vậy Công ty luôn tạo được niềm tin đối với các đối tác, thị phần tiêu thụ ngày càng mở rộng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu mang lại hiệu quả cao.

#### Khó khăn

Năm 2017 Công ty hoạt động trong điều kiện nền kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn; tình hình nền kinh tế trong nước vẫn còn tăng trưởng chậm, nhiều đối tác của Công ty hoạt động cầm chừng. Bên cạnh đó cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành sản xuất bột đá diễn ra ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

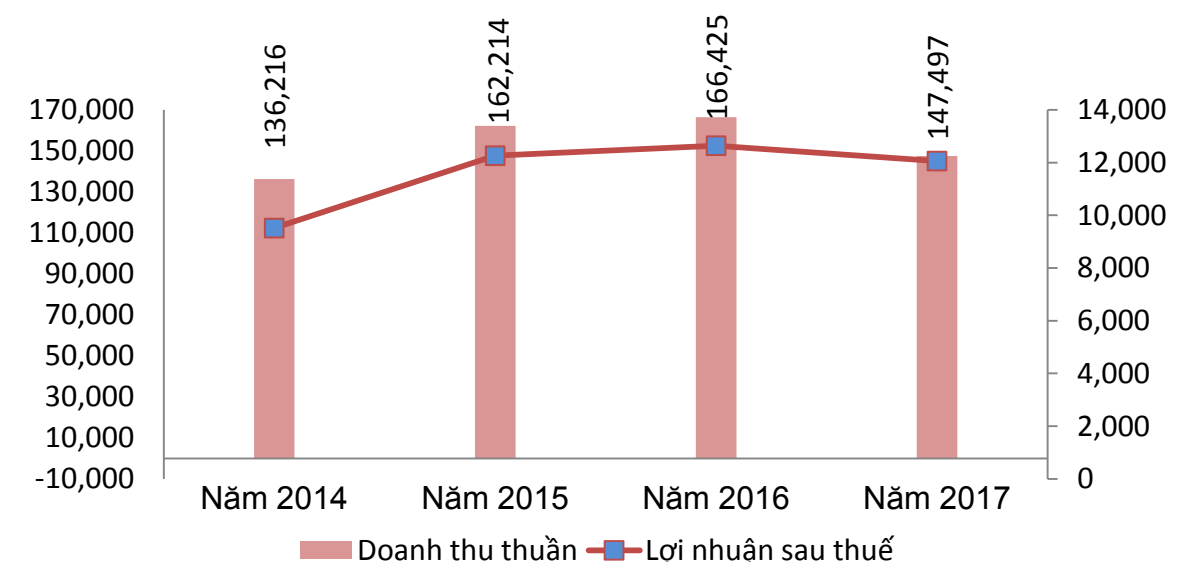
Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển, khẳng định được chỗ đứng trên thị trường

### Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2017, Công ty đối mặt với nhiều biến động chung của ngành bên cạnh những khó khăn riêng có doanh nghiệp phải đối mặt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2017 cơ bản ổn định, có hiệu quả; các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu: Lợi nhuận trước thuế đạt 126.64% kế hoạch do Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí bán hàng để giữ vững tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn này. Nhằm đảm bảo tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, Công ty luôn duy trì chi trả cổ tức đều hàng năm, mức cổ tức bằng tiền dự kiến năm 2017 là 35%.

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2014 – 2017







## Đánh giá các mặt hoạt động khác của công ty

- » Công tác thị trường luôn được chú trọng và phát huy có hiệu quả; chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng, đảm bảo và vượt sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng, xây dựng được lượng khách hàng truyền thống có khả năng thanh toán tốt và an toàn. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và đặc biệt duy trì, phát huy tốt thị trường xuất khẩu mang lại hiệu quả cao.
- » Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa công suất, công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch sản xuất nên giá thành sản xuất sản phẩm đá trắng cơ bản thấp hơn giá thành kế hoạch. Chăm sóc máy móc hoạt động an toàn, không để gián đoạn sản xuất, không để xảy ra hỏng hóc lớn.
- » Công tác tài chính kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính phải đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách chế độ nhà nước quy định.
- » Chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt chế độ chính sách của người lao động: Chế độ bảo hiểm, bảo hộ, lương, thưởng, nâng lương và các khoản phúc lợi xã hội.
- » Thực hiện tốt việc nộp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường và công tác quan hệ với địa phương tại địa bàn đứng chân được quan tâm. Công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả.

## » Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ và nhân sự chủ chốt

### Những mặt làm được

- » Giám đốc cùng các nhân sự chủ chốt có nhiều nỗ lực, phấn đấu xuất sắc vượt qua nhiều khó khăn đưa Công ty đạt được kết quả SXKD tốt cho năm 2017.
- » Thường xuyên bám sát triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các định mức khai thác kỹ thuật để quản lý điều hành doanh nghiệp.
- » Tích cực, cố gắng chủ động lớn trong công tác thị trường nhằm đảm bảo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- » Nội bộ đoàn kết thống nhất, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

### Những mặt chưa làm được và nguyên nhân

- » Một số mặt hàng còn bán giá còn thấp, hiệu quả chưa cao, do yếu tố cạnh tranh ngày càng gay gắt nên mặc dù giá đầu vào tăng nhưng giá bán chưa tăng được tương ứng.
- » Chỉ đạo công tác đầu tư có lúc còn chậm và chưa quyết liệt.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng trung và dài hạn

Trước những diễn biến kinh tế khó lường, công ty dự báo tình hình thị trường năm 2018 sẽ có những biến động lớn mang thiên hướng bất lợi cho việc sản xuất và kinh doanh của công ty với sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành hàng. Tính đến thời điểm hiện tại có trên 40 nhà sản xuất bột đá lớn, tổng công suất sản xuất trong nước ước tính khoảng 4,5 đến 5 triệu tấn năm. Mặt khác một số nhà máy sản xuất hạt taical là các khách hàng lớn của Công ty cũng tham gia vào đầu tư sản xuất bột đá. Thị trường của các sản phẩm Sơn, Nhựa, Cao Su, Giấy, v.v – là các sản phẩm có sử dụng bột đá của công ty – đang có chiều hướng trầm lắng xuống khiến mức tiêu thụ bột đá cũng giảm theo, ước tính lượng cầu trong nước năm 2018 khoảng 1,8 đến 2,3 triệu tấn. Giá xăng dầu, điện năng tăng và cước vận tải quốc tế có xu hướng tăng. Việc này sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh về giá cả sản phẩm của công ty. Bên cạnh đó chính sách thuế, phí của Nhà nước không ổn định (Thuế tài nguyên, phí môi trường, tiền cấp quyền khai thác tăng) là một bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Xác định năm 2018 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Vì vậy, Hội đồng Quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của cán bộ công nhân viên Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tăng trưởng (%)
Sản lượng sản xuất	104,750	108,800	3.9
Doanh thu thuần	147,497	165,035	11.9
Lợi nhuận sau thuế	12,058	9.811	(18.6)
Cổ tức	35%	Từ 20% trở lên	

Phương hướng thực hiện:

- » Tiếp tục đầu tư và đôn đốc Ban điều hành đẩy mạnh công tác thị trường, trong đó tập trung vào thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường xuất khẩu.
- » Tăng cường công tác quản lý định mức khai thác kỹ thuật để tiết giảm chi phí, tăng cạnh tranh, tăng hiệu quả.
- » Chú trọng các biện pháp duy trì ổn định trong sản xuất kinh doanh như đảm bảo đầy đủ và kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm công tác an toàn lao động, môi trường làm việc, bảo quản, bảo dưỡng máy móc thiết bị,....
- » Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho người lao động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; đánh giá lao động thường xuyên, gắn chất lượng lao động, hiệu quả làm việc với tiền lương và thu nhập của người lao động.
- » Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả; đặc biệt là quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, chế độ thuế, chế độ chứng từ hoá đơn, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý nợ, tiền lương,....
- » Tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư đầy đủ và kịp thời. Quản lý chi phí theo định mức khai thác kỹ thuật, định mức lao động- đơn giá tiền lương, định mức chi phí đã được duyệt
- » Đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm của Công ty.
- » Tập trung cao độ, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Quản trị, tổ chức họp Hội đồng Quản trị ít nhất 01 lần/quí vào tháng đầu của quý để ban hành nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết, có thể tổ chức họp bất thường nếu cần.
- » Thường xuyên thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.



## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BGĐ



## Hội đồng quản trị

### Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ			
			Đại diện	Tỷ lệ (%)	Cá nhân	Tỷ lệ (%)
1	Ông Võ Văn Hiệp	Chủ tịch HĐQT	700,000	24.56	-	-
2	Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT	440,000	15.44	15,000	0.53
3	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	13,200	0.46
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	-	-	5,000	0.18
5	Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT	-	-	1,000	0.04

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Hội đồng quản trị có 1 thư ký để giúp HĐQT các công việc chuyên môn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị thực hiện quy chế họp định kỳ hàng quý, trong năm 2017 đã tổ chức được 4 phiên họp, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự.

#### Các cuộc họp của HĐQT:

Thành viên HĐQT	Chức danh	Buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch HĐQT	02	50%	Bãi nhiệm từ 19/05/2017
Ông Võ Văn Hiệp	Chủ tịch HĐQT	02	50%	Được bầu từ 19/05/2017
Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT	04	100%	
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	03	75%	Đi công tác
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	04	100%	
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT	04	100%	

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc được thực hiện:

- » Kiểm tra giám sát hồ sơ quyết toán năm 2016 và năm 2017
- » Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
- » Trong suốt nhiệm kỳ, Hội đồng Quản trị đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề mà đại hội giao phó.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/NQHĐQT2017	06/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính 2016 đã kiểm toán</li> <li>» Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2016. Kế hoạch đầu tư năm 2017</li> <li>» Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016</li> <li>» Thông qua kế hoạch ĐHCĐ năm 2017</li> </ul>
2	02/NQHĐQT2017	06/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông qua Báo cáo Quyết toán tài chính Q1 năm 2017</li> <li>» Thông qua dự kiến phương án đầu tư khai thác tại mỏ đá Châu Quang</li> <li>» Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017</li> <li>» Thông qua dự thảo sửa đổi điều lệ công ty</li> </ul>
3	03/NQHĐQT2017	20/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông qua Báo cáo Quyết toán tài chính Q2 năm 2017</li> </ul>
4	04/NQHĐQT2017	13/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>» Thông qua Báo cáo Quyết toán tài chính Q3 năm 2017</li> <li>» Bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó Giám đốc Công ty</li> </ul>

#### Thành viên HĐQT độc lập và đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- » Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.
- » Năm 2017, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.
- » Thành viên của Hội đồng quản trị độc lập gồm 02 thành viên, ông Võ Văn Hiệp và ông Lê Mạnh Hùng. Trong năm 2017, các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT.





**Ban kiểm soát**

**Thành viên BKS**

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 người, trong đó cả 03 thành viên đều không sở hữu cá nhân đối với cổ phiếu tại Công ty.

**Đánh giá Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng BKS	02	50%	Bãi nhiệm từ 19/05/2017
	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	02	50%	Bầu kể từ ngày 19/05/2017
2	Ông Nguyễn Thanh Hưng	Thành viên BKS	04	100%	
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	04	100%	

- » Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông
- » Định kỳ giám sát báo cáo tài chính, xem xét các báo cáo quản lý điều hành và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

**Đánh giá Hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc:**

- » Duy trì phối hợp chặt chẽ trong hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty, với một mục đích chung là thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BGĐ**

**Thu lao của HĐQT, BKS và BGĐ**

Đơn vị tính: Đồng

	Họ và tên	Chức danh	Thù lao chức vụ	Thù lao kiêm nhiệm
Hội đồng quản trị	1. Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch HĐQT		32,615,138
	2. Ông Võ Văn Hiệp	Chủ tịch HĐQT		50,873,768
	3. Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT		62,616,680
	4. Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		62,616,680
	5. Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	255,827,827	62,616,680
	6. Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT		62,616,680
	Tổng		255,827,827	333,955,626
Ban giám đốc	1. Ông Hoàng Trọng Diên		415,286,533	
	2. Ông Nguyễn Văn Chương		231,424,240	
	Tổng		646,710,774	
Ban kiểm soát	1. Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban kiểm soát		17,935,933
	2. Ông Trần Minh Hưng	Trưởng ban kiểm soát	108,678,149	
	3. Ông Nguyễn Thanh Hưng	Thành viên BKS	267,051,953	34,752,092
	4. Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS		34,752,092
	Tổng		375,730,102	87,440,118

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững





## Mục tiêu phát triển bền vững

Nguồn gốc chủ yếu sự biến đổi môi trường sống là các hoạt động của con người trong tự nhiên và xã hội nhằm mục tiêu cải thiện không ngừng chất lượng cuộc sống về kinh tế và văn hóa, về vật chất và tinh thần. Phát triển là yêu cầu của cuộc sống, là quy luật khách quan của tiến hóa nhân loại đã và đang diễn ra trên hành tinh của chúng ta. Nhưng quan trọng là phát triển bền vững phải là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai

Ý thức rõ ràng được những thách thức cho hoạt động phát triển bền vững: sự suy giảm về trữ lượng và chất lượng của tài nguyên; tốc độ và quy mô suy thoái môi trường ngày càng lớn hơn; hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu và hiệu ứng nhà kính ngày càng tăng;...Ban lãnh đạo Công ty luôn tập trung duy trì những biện pháp phát triển bền vững đã xây dựng:

- » Chủ động thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ sạch, hiện đại hơn cho quá trình sản xuất, khai thác và chế biến
- » Giảm thiểu lượng tiêu hao tài nguyên thiên nhiên và năng lượng tối đa, tránh lãng phí
- » Áp dụng công nghệ mới ít hoặc không phế thải
- » Hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch và đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn năng lượng mới
- » Đầu tư cho đào tạo và phát triển con người, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ lao động tại Công ty
- » Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp, chính sách quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở những mục tiêu trên và tham khảo các nguyên tắc phát triển bền vững của Liên hiệp quốc, Công ty xây dựng một số nguyên tắc duy trì phát triển bền vững:

- » Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng của khu vực hoạt động kinh doanh
- » Đảm bảo song song lợi ích của cổ đông, phát triển đất nước và cải thiện chất lượng đời sống người lao động
- » Bảo vệ sự đa dạng tài nguyên khoáng sản
- » Thay đổi thái độ và thói quen sống của người lao động về tác động của con người đến hoạt động khai thác tác động vào tự nhiên
- » Nâng cao ý thức tự quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của mỗi cá nhân người lao động

## Các chỉ tiêu phát triển bền vững

### Tiêu thụ năng lượng điện và nước

Công ty tích cực thông qua các sáng kiến sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và nước hiệu quả. Quán triệt cho toàn thể người lao động và công nhân viên Công ty ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện, nước tại cơ quan và gia đình. Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- » Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc

- » Tận dụng tối đa ánh sáng và hệ thống thông gió tự nhiên
- » Chỉ sử dụng điều hòa khi nhiệt độ thật cần thiết
- » Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C
- » Lựa chọn sử dụng, mua mới các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao hơn theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi buộc phải đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ mới
- » Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để giảm tiêu hao nước ở mức thấp nhất
- » Thường xuyên kiểm tra thiết bị máy móc, dây dẫn, thiết bị điện đảm bảo không rò rỉ, thất thoát và an toàn trong sản xuất

Việc sử dụng điện và nước của Công ty chủ yếu tại 2 mỏ sản xuất, việc cung cấp được lấy từ các nguồn:

- » Nguồn nước sông suối: dùng để phục vụ sản xuất tại mỏ
- » Nguồn nước từ nhà máy nước Nam Cấm: dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trụ sở Công ty tại khu công nghiệp

### Chính sách liên quan đến người lao động

**Chính sách đối với người lao động:** Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Ngành này đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động phổ thông và công nhân buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Công ty

Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Đảm bảo tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các chế độ theo quy định của Nhà nước: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với quy định của Công ty đồng thời đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Bên cạnh đó, Ban giám đốc cũng chú trọng, quan tâm đến vấn đề đời sống của người lao động: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc,...là các hoạt động hàng năm được Công ty chú trọng và chăm lo. Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm,...Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

**Chính sách đào tạo:** Công nhân trực tiếp sản xuất tại Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.



## » Các chỉ tiêu phát triển bền vững (tiếp theo)

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Công ty, Công ty hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ của đất nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Công ty có lợi ích hoạt động.

- » Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- » Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.
- » Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- » Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.
- » Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

## MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 1. Thông tin chung về Công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là **28.500.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Các cổ đông đóng góp và tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2017 bao gồm:

Dối tượng góp vốn	Số tiền (đ)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	11.400.000.000	40,00%
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60,00%
<b>Tổng</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

**Tên tiếng anh:** ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** AMC

**Trụ sở chính:** Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Võ Văn Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 19/5/2017
Ông	Lê Đình Danh	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 19/5/2017
Ông	Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT	
Ông	Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	
Ông	Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	
Ông	Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT	

#### Ban Kiểm soát

Ông	Trần Minh Hưng	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 19/5/2017
Ông	Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 19/5/2017
Ông	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	
Bà	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Hoàng Trọng Diên	Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Chương	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Hoàng Trọng Diên	Giám đốc
-----	------------------	----------

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

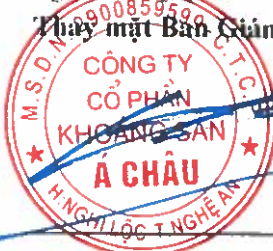
### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

Giám đốc





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited  
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 170632/BCKT-AISHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2018, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo quy định tại Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định đối tượng chịu thuế GTGT đối với sản phẩm tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu: “Đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất trở lên thì khi xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; Trị giá tài nguyên khoáng sản là giá vốn tài nguyên khoáng sản đưa vào chế biến (đối với khoáng sản trực tiếp khai thác là bao gồm chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản; đối với khoáng sản mua để chế biến là giá mua thực tế cộng chi phí đưa tài nguyên, khoáng sản vào chế biến) ”.

Công ty đang hiểu trị giá tài nguyên khoáng sản này không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên khoáng sản từ nơi khai thác, nơi mua về nơi chế biến. Vì vậy, trong kỳ 6 tháng cuối năm 2016 và cả năm 2017, Công ty đã xác định trị giá tài nguyên khoáng sản chưa bao gồm Chi phí vận chuyển tài nguyên khoáng sản từ nơi khai thác, nơi mua đến nơi chế biến. Do đó, tỷ trọng Công ty xác định là thấp hơn 51%, Công ty đang áp dụng thuế suất thuế GTGT với mặt hàng xuất khẩu là 0% và khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào tương ứng. Ngày 15/3/2018, Công ty đã có công văn số 76/CV-AMC gửi Bộ Tài chính về việc xác định rõ "Trị giá tài nguyên khoáng sản đưa vào chế biến".

Giá thành thực tế thực hiện trong kỳ kế toán năm 2015 và năm 2016 của Công ty, Trị giá tài nguyên khoáng sản đưa vào chế biến (đã bao gồm cả chi phí vận chuyển) cộng với chi phí năng lượng chiếm trên 51% giá thành sản xuất sản phẩm. Kiểm toán viên ước tính số thuế GTGT đầu vào doanh nghiệp đã khấu trừ đối với sản phẩm bột đá xuất khẩu như sau: 1.304.012.912 đồng đối với kỳ 6 tháng cuối năm 2016 và 1.849.509.963 đồng đối với kỳ kế toán năm 2017.

Tổng hợp ảnh hưởng của khoản thuế GTGT không được khấu trừ nếu Công ty ghi nhận đầy đủ theo quy định vào kết quả kinh doanh trong năm 2017: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế phản ánh giảm 3.153.522.875 đồng.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" và những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018



**ĐÀO TIẾN DẠT**

Số giấy CNDKHNKT: 0078-2018-005-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**VŨ KHẮC CHUYỀN**

Số giấy CNDKHNKT số: 0160-2018-005-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

002-C  
ÁNH  
TNHH  
OÁN  
TIN HỌ  
MINH  
TP.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.377.882.998</b>	<b>34.081.296.754</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	259.287.553	3.106.708.811
1. Tiền	111		259.287.553	3.106.708.811
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.684.823.586</b>	<b>20.860.966.913</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.243.274.763	21.279.870.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	0	80.410.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	573.972.948	200.783.139
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2,3,4	(132.424.125)	(700.096.888)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>10.784.391.611</b>	<b>9.434.366.439</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.784.391.611	9.434.366.439
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>649.380.248</b>	<b>679.254.591</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	641.877.500	623.465.631
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	7.502.748	55.788.960
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.156.874.736</b>	<b>50.261.190.802</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.455.728.341</b>	<b>998.528.739</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.455.728.341	998.528.739
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.467.898.514</b>	<b>45.694.083.658</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	46.954.037.683	43.021.801.035
- Nguyên giá	222		84.014.890.755	73.986.626.144
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.060.853.072)	(30.964.825.109)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.513.860.831	2.672.282.623
- Nguyên giá	228		3.200.254.101	3.200.254.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(686.393.270)	(527.971.478)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.233.247.881</b>	<b>3.568.578.405</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.233.247.881	3.568.578.405
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>88.534.757.734</b>	<b>84.342.487.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38.050.552.185</b>	<b>34.377.104.467</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.713.252.185</b>	<b>34.377.104.467</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	14.392.727.413	14.712.741.099
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	244.621.900	100.971.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	619.986.418	255.045.587
4. Phải trả người lao động	314		5.807.062.335	7.359.077.290
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	224.953.229	120.790.295
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	732.999.913	298.874.707
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	11.683.947.834	11.350.536.180
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.953.143	179.068.068
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.337.300.000</b>	<b>0</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	4.337.300.000	0
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.484.205.549</b>	<b>49.965.383.089</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>50.484.205.549</b>	<b>49.965.383.089</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.925.898.014	8.820.532.346
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.058.307.535	12.644.850.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.058.307.535	12.644.850.743
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>88.534.757.734</b>	<b>84.342.487.556</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lưu Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chương

GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Diên

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	147.497.010.879	166.425.730.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	36.318.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	147.497.010.879	166.389.412.541
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	86.612.778.669	100.765.319.105
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.884.232.210	65.624.093.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	205.207.717	152.062.212
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	915.707.845	990.729.227
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		726.879.006	766.531.050
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	38.779.074.086	43.275.899.677
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	8.462.194.160	8.060.660.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		12.932.463.836	13.448.866.255
11. Thu nhập khác	31	VI.8	205.222	6.000
12. Chi phí khác	32	VI.9	211.071.908	117.813.256
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(210.866.686)	(117.807.256)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
14. (50 = 30 + 40)	50		12.721.597.150	13.331.058.999
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	663.289.615	686.208.256
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.058.307.535	12.644.850.743
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.702,62	3.887,85
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3.702,62	3.887,85

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lưu Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chương

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2018



Hoàng Trọng Diên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		155.318.435.626	181.019.369.257
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(106.989.136.669)	(127.638.247.164)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.906.110.336)	(24.007.671.667)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(712.470.457)	(850.049.463)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(595.779.579)	(736.153.870)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.533.371.622	667.095.791
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(9.525.326.239)	(8.903.485.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.122.983.968	19.550.857.819
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.691.014.094)	(2.815.585.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0	159.532.544
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.862.084	9.143.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.685.152.010)	(2.646.909.087)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		43.656.071.052	29.440.349.893
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.966.267.310)	(38.588.525.832)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.975.000.000)	(9.975.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.285.196.258)	(19.123.175.939)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20 + 30 + 40$ )	50		(2.847.364.300)	(2.219.227.207)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.106.708.811	5.325.857.012
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(56.958)	79.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm ( $70 = 50 + 60 + 61$ )	70	V.1	259.287.553	3.106.708.811

Nghệ An, ngày 18 tháng 01 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lưu Thị Thu



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây được viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 28.500.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

Tên tiếng anh: ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: AMC

Trụ sở chính: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có.

**5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 106 nhân viên.**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 110 nhân viên)

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (Đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm dở dang.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

**Tài sản cố định vô hình:** Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến..

*Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:*

Quyền khai thác mỏ: Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO): Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

**4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
Quyền khai thác mỏ	20 năm
Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: cước vận chuyển hàng hóa; chi phí lãi tiền vay; các chi phí sử dụng dịch vụ khác.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Thặng dư vốn cổ phần:** được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ kế toán. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An. Khu kinh tế được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**15. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty chỉ hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển, trong đó dịch vụ vận chuyển chiếm dưới 10% tổng doanh thu thuần. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hàng bán trong nước là: 10%, thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu là: 0%.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	259.287.553	3.106.708.811
Tiền mặt	38.901.556	7.148.942
Tiền gửi ngân hàng (*)	220.385.997	3.099.559.869
<b>Cộng</b>	<b>259.287.553</b>	<b>3.106.708.811</b>

(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Ngoại tệ	đ	Ngoại tệ	đ
<b>Tiền gửi đồng Việt Nam</b>		<b>186.246.526</b>		<b>3.079.887.964</b>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Vinh		64.755.972		0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh		47.620.757		2.655.033.831
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh		35.024.095		398.803.157
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN thành phố Vinh		30.068.527		21.576.646
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An		8.777.175		4.474.330
<b>Tiền gửi ngoại tệ (USD)</b>	<b>1.506,79</b>	<b>34.139.471</b>	<b>867,17</b>	<b>19.671.905</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN thành phố Vinh	529,81	12.010.793	0,00	0
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh	381,21	8.626.782	315,91	7.152.202
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	349,55	7.922.551	305,04	6.930.509
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	246,22	5.579.345	246,22	5.589.194
<b>Cộng</b>	<b>1.506,79</b>	<b>220.385.997</b>	<b>867,17</b>	<b>3.099.559.869</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>22.243.274.763</b>	<b>132.424.125</b>	<b>21.279.870.662</b>	<b>700.096.888</b>
Công ty 4 Oranges Co.,Ltd	4.905.172.000	0	4.544.386.500	0
Công ty Cổ phần thương mại hóa chất Minh Khang	2.145.685.001	0	1.655.580.000	0
Công ty Cổ phần thương mại Tiến Hưng	1.392.460.051	0	998.920.051	0
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	1.281.208.000	0	1.950.350.000	0
Công ty TNHH MTV Provimi	1.278.720.000	0	1.110.746.000	0
Công ty Cổ phần Nhựa Năm Châu	1.130.232.000	0	0	0
Công ty Cổ phần khoáng sản Đông Á	984.635.977	0	0	0
Công ty Cổ Phần Nhựa Á Đông	628.979.796	0	601.029.000	0
Công ty Cổ Phần Joton Tây Nguyên	439.253.050	0	508.249.950	0
Công ty Cổ phần Hóa chất HP	79.960.000	0	2.703.299.000	0
Khách hàng khác	7.976.968.888	132.424.125	7.207.310.161	700.096.888
<b>Cộng</b>	<b>22.243.274.763</b>	<b>132.424.125</b>	<b>21.279.870.662</b>	<b>700.096.888</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>80.410.000</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Wilmar	0	0	80.410.000	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>80.410.000</b>	<b>0</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>573.972.948</b>	<b>0</b>	<b>200.783.139</b>	<b>0</b>
Tạm ứng cho CBCNV	172.940.283	0	73.052.065	0
Hoàng Thị Huyền	57.760.900	0	57.760.900	0
Võ Trung Kiên	13.136.969	0	12.385.105	0
Nguyễn Đình Hoàng	1.650.051	0	2.906.060	0
Vũ Hoàng Giang	72.733.745	0	0	0
Nguyễn Văn Bắc	2.459.044	0	0	0
Lê Nguyễn Chánh	5.469.255	0	0	0
Trần Hồng Quân	949.983	0	0	0

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Phải thu khác (tiếp theo)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trần Thị Hải Yến	7.801.097	0	0	0
Chu Mạnh Tuấn	10.979.239	0	0	0
Phải thu khác của người lao động do ứng lương	251.000.000	0	80.000.000	0
Phải thu ngắn hạn khác	150.032.665	0	47.731.074	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.455.728.341</b>		<b>998.528.739</b>	
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	1.392.940.641	0	975.670.139	0
Lãi ký quỹ, phục hồi môi trường	62.787.700	0	22.858.600	0
<b>Cộng</b>	<b>2.029.701.289</b>	<b>0</b>	<b>1.199.311.878</b>	<b>0</b>

**5. Nợ xấu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 đến 3 năm	132.424.125	132.424.125	607.400.000	607.400.000
Công ty TNHH Hóa chất DSH	0	0	607.400.000	607.400.000
Công ty TNHH Thuận Lợi	132.424.125	132.424.125		
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 đến 2 năm	0	0	132.424.125	92.696.888
Công ty TNHH Thuận Lợi	0	0	132.424.125	92.696.888
<b>Cộng</b>	<b>132.424.125</b>	<b>132.424.125</b>	<b>739.824.125</b>	<b>700.096.888</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.575.862.425	0	5.752.944.183	0
Công cụ, dụng cụ	139.245.127	0	276.891.688	0
Thành phẩm	4.052.412.276	0	3.373.115.067	0
Hàng hóa	16.871.783	0	31.415.501	0
<b>Cộng</b>	<b>10.784.391.611</b>	<b>0</b>	<b>9.434.366.439</b>	<b>0</b>

Trong năm, không có vật tư, hàng hóa được thế chấp tại ngân hàng và các tổ chức khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.883.282.973	43.907.499.858	5.115.510.015	80.333.298	73.986.626.144
Mua trong năm	0	4.269.000.273	3.403.450.000	0	7.672.450.273
ĐT.XDCB hoàn thành	2.137.564.000	218.250.338	0	0	2.355.814.338
Số dư cuối năm	27.020.846.973	48.394.750.469	8.518.960.015	80.333.298	84.014.890.755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.150.753.252	21.007.758.117	2.749.631.949	56.681.791	30.964.825.109
Khấu hao trong năm	1.664.110.900	3.696.723.143	725.648.460	9.545.460	6.096.027.963
Số dư cuối năm	8.814.864.152	24.704.481.260	3.475.280.409	66.227.251	37.060.853.072
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.732.529.721	22.899.741.741	2.365.878.066	23.651.507	43.021.801.035
Số dư cuối năm	18.205.982.821	23.690.269.209	5.043.679.606	14.106.047	46.954.037.683

- \* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.610.964.797 đồng.
- \* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.357.923.424 đồng.
- \* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.
- \* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- \* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Số dư cuối năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	496.153.296	31.818.182	527.971.478
Khấu hao trong năm	158.421.792	0	158.421.792
Số dư cuối năm	654.575.088	31.818.182	686.393.270
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.672.282.623	0	2.672.282.623
Số dư cuối năm	2.513.860.831	0	2.513.860.831

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>641.877.500</b>	<b>623.465.631</b>
Công cụ dụng cụ	165.423.297	244.693.604
Chi phí bảo hiểm	71.621.556	44.971.730
Chi phí vận chuyển	350.288.177	311.823.639
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	54.544.470	21.976.658
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.233.247.881</b>	<b>3.568.578.405</b>
Công cụ dụng cụ	420.964.643	1.224.915.972
Chi phí sửa chữa	28.934.238	71.540.433
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng	2.783.349.000	2.272.122.000
<b>Cộng</b>	<b>3.875.125.381</b>	<b>4.192.044.036</b>

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.392.727.413</b>	<b>14.392.727.413</b>	<b>14.712.741.099</b>	<b>14.712.741.099</b>
Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận Toàn Cầu	3.946.661.086	3.946.661.086	2.807.068.000	2.807.068.000
Công ty Cổ phần Nhật Việt	2.842.774.572	2.842.774.572	2.384.344.000	2.384.344.000
Công ty TNHH TM & DV Hòa Tiến	1.912.185.435	1.912.185.435	0	0
Công ty TNHH Chính Nghĩa	790.381.992	790.381.992	0	0
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	714.117.035	714.117.035	629.046.720	629.046.720
Công ty TNHH Hoàng Danh	452.380.975	452.380.975	222.800.456	222.800.456
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Duy Anh	458.712.000	458.712.000	1.095.425.700	1.095.425.700
Hợp tác xã Thanh Quyền	311.024.996	311.024.996	528.496.500	528.496.500
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Á	0	0	1.693.410.087	1.693.410.087
Công ty TNHH Vận tải thương mại Làng Sen	0	0	1.069.753.312	1.069.753.312

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Phải trả người bán (tiếp theo)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CN Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận Toàn Cầu tại Nghệ An	0	0	217.000.000	217.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.964.489.322	2.964.489.322	4.065.396.324	4.065.396.324
<b>Cộng</b>	<b>14.392.727.413</b>	<b>14.392.727.413</b>	<b>14.712.741.099</b>	<b>14.712.741.099</b>
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>443.333.331</b>	<b>443.333.331</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	443.333.331	443.333.331	0	0
<b>Cộng</b>	<b>443.333.331</b>	<b>443.333.331</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>244.621.900</b>	<b>100.971.241</b>
Bajaj Healthcare Ltd	128.521.900	0
Sambath Makara	0	100.971.241
Khách hàng lẻ	116.100.000	0
<b>Cộng</b>	<b>244.621.900</b>	<b>100.971.241</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2017
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	60.724.439	12.141.436.129	12.013.453.669	188.706.898
Thuế TNDN	90.539.148	663.289.615	595.779.579	158.049.184
Thuế TNCN	0	451.771.171	449.461.171	2.310.000
Thuế tài nguyên	83.396.250	1.018.553.682	1.000.061.654	101.888.278
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	243.889.000	95.792.500	148.096.500
Thuế khác	20.385.750	271.647.677	271.097.869	20.935.558
Phí, lệ phí	0	1.727.393.000	1.727.393.000	0
<b>Cộng</b>	<b>255.045.587</b>	<b>16.517.980.274</b>	<b>16.153.039.442</b>	<b>619.986.418</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế xuất khẩu	55.788.960	1.346.580.179	1.298.293.967	7.502.748
<b>Cộng</b>	<b>55.788.960</b>	<b>1.346.580.179</b>	<b>1.298.293.967</b>	<b>7.502.748</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2017	01/01/2017
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>224.953.229</b>	<b>120.790.295</b>
Chi phí lãi vay phải trả	17.931.949	3.523.400
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	207.021.280	117.266.895
<b>Cộng</b>	<b>224.953.229</b>	<b>120.790.295</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>14. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>732.999.913</b>		<b>298.874.707</b>	
Kinh phí công đoàn	6.918.214		13.055.025	
Bảo hiểm xã hội	79.839.573		24.081.952	
Bảo hiểm y tế	14.583.172		0	
Bảo hiểm thất nghiệp	6.281.524		0	
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	336.169.049		7.868.920	
Thủ lao HĐQT, BKS	247.292.621		223.065.358	
Phải trả khác	41.915.760		30.803.452	
<b>Cộng</b>	<b>732.999.913</b>		<b>298.874.707</b>	
<b>c. Phải trả khác là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	336.169.049		7.868.920	
<b>Cộng</b>	<b>336.169.049</b>		<b>7.868.920</b>	
<b>15. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>11.683.947.834</b>	<b>11.683.947.834</b>	<b>11.350.536.180</b>	<b>11.350.536.180</b>
Vay ngân hàng - đồng VN	2.984.333.784	2.984.333.784	0	0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh [1]	1.782.162.000	1.782.162.000	0	0
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh [2]	1.202.171.784	1.202.171.784	0	0
Vay ngân hàng - USD	7.075.814.050	7.075.814.050	11.350.536.180	11.350.536.180
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh [3]	7.075.814.050	7.075.814.050	3.140.462.000	3.140.462.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh	0	0	4.911.047.016	4.911.047.016
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN thành phố Vinh	0	0	3.299.027.164	3.299.027.164
Vay dài hạn đến hạn trả	1.623.800.000	1.623.800.000	0	0
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>4.337.300.000</b>	<b>4.337.300.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh [4]	4.337.300.000	4.337.300.000	0	0
<b>Cộng</b>	<b>16.021.247.834</b>	<b>16.021.247.834</b>	<b>11.350.536.180</b>	<b>11.350.536.180</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****Thuyết minh các khoản vay ngân hàng**

[1] Hợp đồng tín dụng từng lần số 05/17/5068/HM/AMC ngày 12/12/2017; trong đó: số tiền cam kết cho vay là 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 7%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013; Số dư vay tại ngày 31/12/2017 là 1.782.162.000 đồng.

[2] Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0083.HDTD2-404.16 ngày 30/12/2016, trong đó: Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến sản phẩm bột đá vôi trắng; Tài sản đảm bảo bao gồm: 01 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn, hàng tồn kho luân chuyển chốt giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu từ các hợp đồng dầu ra chốt giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Số dư vay tại ngày 31/12/2017 là 1.202.171.784 đồng.

[3] Hợp đồng cho vay số 05/2017/5068/HM/AMC ngày 20/01/2017; trong đó: số tiền cam kết cho vay là 800.000,00 USD, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ; nhằm mục đích là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013; Số dư vay tại ngày 31/12/2017 là 311.230,00 USD.

[4] Bao gồm các hợp đồng cho vay sau:

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5068/AMC ngày 29/6/2017, trong đó: số tiền cho vay là 2.117.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,6%/năm, nhằm mục đích mua Xe Toyota Landcruiser Prado theo hợp đồng mua xe ô tô số 33/HĐKT ngày 04/4/2017; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013.

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5168/AMC ngày 05/7/2017, số tiền cho vay là 2.635.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua 02 máy đào bánh xích KOMATSU theo hợp đồng kinh tế số 107/17/HĐMB ngày 01/7/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5268/AMC ngày 17/7/2017, số tiền cho vay là 556.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua máy nén khí trục vít BKCY-12/12, máy khoan đá tự hành YC 910B theo hợp đồng mua bán số KS-201706001 ngày 29/6/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5368/AMC ngày 18/7/2017, số tiền cho vay là 935.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua xe ô tô tải tự đổ hiệu HOWO theo hợp đồng kinh tế số 1707/PT-AC/2017 ngày 17/7/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5370/AMC ngày 24/7/2017, số tiền cho vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua búa đập thủy lực JSUNG JSB-60D theo hợp đồng số 65/HĐKT ngày 21/7/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cho vay số 05/2017/5069/AMC ngày 31/7/2017, số tiền cho vay là 380.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6%, nhằm mục đích mua máy đào KOMATSU PC 200LC-LE theo hợp đồng mua bán số 14/HĐMB ngày 02/06/2017, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	8.060.731.815	12.260.889.479	48.821.621.294
Lợi nhuận năm trước	0	0	12.644.850.743	12.644.850.743
Trích lập các quỹ	0	759.800.531	(2.285.889.479)	(1.526.088.948)
Chia cổ tức	0	0	(9.975.000.000)	(9.975.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	8.820.532.346	12.644.850.743	49.965.383.089
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	8.820.532.346	12.644.850.743	49.965.383.089
Lợi nhuận năm nay	0	0	12.058.307.535	12.058.307.535
Trích lập các quỹ (*)	0	1.105.365.668	(2.669.850.743)	(1.564.485.075)
Chia cổ tức (*)	0	0	(9.975.000.000)	(9.975.000.000)
Số dư cuối năm nay	28.500.000.000	9.925.898.014	12.058.307.535	50.484.205.549

(\*) Trong năm 2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết số 03/AMC-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Cụ thể:

- Chia cổ tức cho Cổ đông năm 2016 (tỷ lệ 35%/VĐL): 9.975.000.000 đồng.
- Trích quỹ Đầu tư, phát triển: 1.105.365.668 đồng.
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.264.485.075 đồng.
- Thường Ban quản lý điều hành: 300.000.000 đồng.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	40,00%	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,00%	17.100.000.000	17.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>28.500.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn góp của chủ sở hữu	28.500.000.000	28.500.000.000
Vốn góp đầu năm	28.500.000.000	28.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	28.500.000.000	28.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.975.000.000	9.975.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	9.925.898.014	8.820.532.346
<b>Cộng</b>	<b>9.925.898.014</b>	<b>8.820.532.346</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****c. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị (Đồng)	Số lượng	Giá trị (Đồng)
USD	1.506,79	34.139.471	867,17	19.671.905
<b>Cộng</b>	<b>1.506,79</b>	<b>34.139.471</b>	<b>867,17</b>	<b>19.671.905</b>

**d. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017	01/01/2017
	Giá trị	Giá trị
DNTN Thương mại sản xuất và Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Phát Gia Nguyễn	487.648.930	487.648.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn ATA	64.335.285	64.335.285
Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An	240.536.227	240.536.227
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Hà Bình	65.269.286	65.269.286
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh	24.889.524	24.889.524
Công ty TNHH Hóa chất DSH	607.400.000	0
<b>Cộng</b>	<b>2.141.608.186</b>	<b>1.534.208.186</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu**

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa	16.167.398.923	37.471.425.988
Doanh thu bán thành phẩm	131.219.740.919	128.600.257.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	109.871.037	354.047.136
<b>Cộng</b>	<b>147.497.010.879</b>	<b>166.425.730.723</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	0	36.318.182
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>36.318.182</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển

**Cộng****Năm 2017****Năm 2016**

16.167.398.923 37.435.107.806

131.219.740.919 128.600.257.599

109.871.037 354.047.136

**147.497.010.879 166.389.412.541****4. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng hóa

Giá vốn bán thành phẩm

Giá vốn của dịch vụ vận chuyển

**Cộng****Năm 2017****Năm 2016**

12.403.959.278 28.079.899.349

74.140.755.835 72.506.030.797

68.063.556 179.388.959

**86.612.778.669 100.765.319.105****5. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Lãi tiền ký quỹ, cầm tạo, phục hồi môi trường

**Cộng****Năm 2017****Năm 2016**

5.862.084 9.143.512

153.644.915 123.891.700

5.771.618 0

39.929.100 19.027.000

**205.207.717 152.062.212****6. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

Chi phí tài chính khác

**Cộng****Năm 2017****Năm 2016**

726.879.006 766.531.050

174.723.929 99.782.893

0 119.423.006

14.104.910 4.992.278

**915.707.845 990.729.227****7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên

Chi phí vật liệu, bao bì

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

**Cộng****Năm 2017****Năm 2016**

354.236.000 363.218.000

530.389.075 785.247.674

729.559.058 967.260.687

0 11.913.511

34.148.921.323 37.647.009.250

3.015.968.630 3.501.250.555

**38.779.074.086 43.275.899.677****b. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí thuê, phí và lệ phí

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

5.326.588.125 5.624.476.316

363.161.197 277.944.150

220.657.946 94.739.724

595.312.111 330.675.628

66.619.000 234.721.000

39.727.237 26.484.825

741.256.036 749.065.525

1.108.872.508 797.553.321

**8.462.194.160 8.135.660.489**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)****c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi

Cộng

Năm 2017	Năm 2016
0	(75.000.000)
0	(75.000.000)
0	(75.000.000)

**8. Thu nhập khác**

Xử lý công nợ nhỏ lẻ

Cộng

Năm 2017	Năm 2016
205.222	6.000
205.222	6.000

**9. Chi phí khác**

Tiền phạt hành chính, các khoản thuế chậm nộp

Xử lý số dư công nợ nhỏ lẻ

Chi phí khác

Cộng

Năm 2017	Năm 2016
182.065.873	100.676.372
156.035	136.796
28.850.000	17.000.088
211.071.908	117.813.256

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm 2017	Năm 2016
67.601.872.148	49.776.665.494
24.452.223.167	26.821.164.433
6.254.449.755	5.259.653.539
20.426.053.294	53.494.412.024
4.175.300.816	4.035.943.595
122.909.899.180	139.387.839.085

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

1. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

2. Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN

+ Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không được trừ

- Thủ lạo HĐQT không trực tiếp điều hành

- Khấu hao TSCĐ tương ứng phần nguyên giá vượt

- Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ

- Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện kỳ trước, đã thực hiện kỳ này của khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ

- Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính

+ Các khoản điều chỉnh giảm

- Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ

- Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện kỳ trước, đã thực hiện kỳ này của khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ

3. Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế TNDN ưu đãi

Thuế TNDN dự tính phải nộp

Thuế TNDN được giảm

4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Năm 2017	Năm 2016
12.721.597.150	13.331.058.999
544.195.152	393.106.112
537.267.816	400.033.448
164.905.456	160.850.513
146.105.588	137.858.771
46.229.444	0
1.317.182	647.792
(647.792)	0
179.357.938	100.676.372
6.927.336	(6.927.336)
	(6.927.336)
6.927.336	0
13.265.792.302	13.724.165.111
10%	10%
1.326.579.230	1.372.416.511
(663.289.615)	(686.208.255)
663.289.615	686.208.256

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (\*)**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.058.307.535	12.644.850.743
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	1.505.830.753	1.564.485.075
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.505.830.753	1.564.485.075
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.552.476.781	11.080.365.668
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.702,62	3.887,85

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (\*)**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.552.476.781	11.080.365.668
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	10.552.476.781	11.080.365.668
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	2.850.000	2.850.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.702,62	3.887,85

(\*): Số liệu trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi lấy theo tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua cho năm 2016 và dự kiến cho năm 2017 theo Nghị quyết số 03/AMC-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017</b>		
VND	+200	(315.239.206)
VND	-200	315.239.206
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016</b>		
VND	+100	(82.438.274)
VND	-100	82.438.274

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn so với các kỳ trước.

**14.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Các khoản phải thu khác**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt

**14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	11.683.947.834	4.337.300.000	16.021.247.834
Phải trả người bán	14.392.727.413	0	14.392.727.413
Chi phí phải trả	224.953.229	0	224.953.229
Các khoản phải trả khác	378.084.809	0	378.084.809
<b>Cộng</b>	<b>26.679.713.285</b>	<b>4.337.300.000</b>	<b>31.017.013.285</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	11.350.536.180	0	11.350.536.180
Phải trả người bán	14.712.741.099	0	14.712.741.099
Chi phí phải trả	120.790.295	0	120.790.295
Các khoản phải trả khác	27.610.990	0	27.610.990
<b>Cộng</b>	<b>26.211.678.564</b>	<b>0</b>	<b>26.211.678.564</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, một phần nhà cửa vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển, các khoản phải thu làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2017.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017.

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 31/12/2016. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		31/12/2016		31/12/2017	31/12/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	22.243.274.763	132.424.125	21.279.870.662	700.096.888	22.110.850.638	20.579.773.774
- Phải thu khác	1.605.761.006	0	1.046.259.813	0	1.605.761.006	1.046.259.813
- Tiền và các khoản tương đương tiền	259.287.553	0	3.106.708.811	0	259.287.553	3.106.708.811
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.108.323.322</b>	<b>132.424.125</b>	<b>25.432.839.286</b>	<b>700.096.888</b>	<b>23.975.899.197</b>	<b>24.732.742.398</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	16.021.247.834	0	11.350.536.180	0	16.021.247.834	11.350.536.180
- Phải trả người bán	14.392.727.413	0	14.712.741.099	0	14.392.727.413	14.712.741.099
- Chi phí phải trả	224.953.229	0	120.790.295	0	224.953.229	120.790.295
- Phải trả khác	378.084.809	0	27.610.990	0	378.084.809	27.610.990
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.017.013.285</b>	<b>0</b>	<b>26.211.678.564</b>	<b>0</b>	<b>31.017.013.285</b>	<b>26.211.678.564</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****3. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	43.656.071.052	29.440.349.893

**4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	38.966.267.310	38.588.525.832

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính năm 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính này.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

- Lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm 2017 là: 1.472.374.950 đồng.
- Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là cổ đông lớn góp vốn tại Công ty.

Tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty là 40% vốn điều lệ.

Các giao dịch chủ yếu với Công ty mẹ:

Stt	Nội dung	Số dư tại 01/01/2017	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 31/12/2017
1	<b>Phải trả người bán</b>	0	2.089.999.995	1.646.666.664	443.333.331
	Tiền thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	0	2.089.999.995	1.646.666.664	443.333.331
2	<b>Phải trả khác</b>	7.868.920	4.477.051.049	4.148.750.920	336.169.049
	Tiền thuê đất/ Tiền bảo hiểm phải trả Tổng Công ty	7.868.920	487.051.049	158.750.920	336.169.049
	Tiền chi trả cổ tức	0	3.990.000.000	3.990.000.000	0

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**

Công ty chỉ hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển, trong đó dịch vụ vận chuyển chiếm dưới 10% tổng doanh thu thuần. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: bán hàng hóa trong nước và xuất khẩu.

Stt	Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
1.	Doanh thu thuần	121.414.358.789	26.082.652.090	147.497.010.879
-	Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	121.414.358.789	26.082.652.090	147.497.010.879
2.	Chi phí	114.021.643.194	19.832.403.721	133.854.046.915
-	Giá vốn	75.134.290.438	11.478.488.231	86.612.778.669
-	Chi phí phân bổ	38.887.352.756	8.353.915.490	47.241.268.246
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm hoạt động tài chính)	7.392.715.595	6.250.248.369	13.642.963.964
4.	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	8.254.915.203	1.773.349.408	10.028.264.611
5.	Tài sản bộ phận	72.878.702.943	15.656.054.791	88.534.757.734
6.	Tài sản không phân bổ	0	0	0
	Tổng tài sản	72.878.702.943	15.656.054.791	88.534.757.734
7.	Nợ phải trả bộ phận	31.321.878.102	6.728.674.083	38.050.552.185
8.	Nợ phải trả không phân bổ	0	0	0
	Tổng nợ phải trả	31.321.878.102	6.728.674.083	38.050.552.185

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2016 trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lưu Thị Thu

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chương

Ngày 20 tháng 01 năm 2018



GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Diên